

Số: 1263 /QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2026

VĂN PHÒNG BỘ QUỐC PHÒNG	
VĂN BÀN ĐIỀN TỦ ĐỀN	Số: 3182D Ngày: 15/02/2026 Chuyên:

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành,
được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất
lượng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ**

BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Nghị định số 55/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng; Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng và Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ (Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư số 54/2025/TT-BKHCN ngày 31/12/2025, Nghị định số 36/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026, Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 và Thông tư số 03/2026/TT-BKHCN ngày 12/02/2026 có hiệu lực.

1. Bãi bỏ 05 thủ tục hành chính cấp trung ương và 01 thủ tục hành chính cấp tỉnh được công bố Quyết định số 1310/QĐ-BKHCN ngày 22/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc phạm vi chức năng quản lý của bộ khoa học và công nghệ.

2. Bãi bỏ 06 thủ tục hành chính cấp tỉnh Quyết định số 1466/QĐ-BKHCN ngày 25/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc phạm vi chức năng quản lý của bộ khoa học và công nghệ

4. Bãi bỏ 03 thủ tục hành chính cấp trung ương được công bố tại Quyết định số 3727/QĐ-BKHCN ngày 06/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng và thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

5. Bãi bỏ 12 thủ tục hành chính cấp tỉnh được công bố tại Quyết định số 1442/QĐ-BKHCN ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ theo quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Sở KH&CN các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cổng Thông tin điện tử của Bộ (để đưa tin);
- Văn phòng Bộ KH&CN (KSTT);
- Lưu: VT, TĐC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Xuân Định

Phụ lục
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH,
ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC
TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BKHCN
ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

PHẦN I: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính mới

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG			
1.	Thủ tục chỉ định tổ chức thực hiện hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia
2.	Thủ tục điều chỉnh nội dung của quyết định chỉ định, chỉ định lại tổ chức hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia
3.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động công nhận	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Bộ Khoa học và Công nghệ
4.	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động công nhận	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Bộ Khoa học và Công nghệ
5.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động công nhận	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Bộ Khoa học và Công nghệ
6.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Bộ Khoa học và Công nghệ
7.	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Bộ Khoa học và Công nghệ
8.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Bộ Khoa học và Công nghệ

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH			
1.	Thủ tục chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
2.	Thủ tục điều chỉnh nội dung quyết định chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
3.	Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
4.	Thủ tục chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
5.	Thủ tục điều chỉnh nội dung quyết định chứng nhận, cấp thẻ, cấp lại thẻ kiểm định viên đo lường	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
6.	Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
7.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
8.	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
9.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
10.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
11.	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
	động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật		
12.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
13.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
14.	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
15.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

2. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG: Không có					
B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH					
1.	3.000450	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường	Nghị định số 36/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ	Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
2.	3.000.463	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường	Nghị định số 36/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ	Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
3.	3.000452	<i>Thủ tục chấm dứt hiệu lực của giấy chứng nhận đăng ký khi nhận được đề nghị chấm dứt của tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm</i>	Nghị định số 36/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ	Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

3. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính bị bãi bỏ	Tên VBQPPL quy định nội dung bãi bỏ	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG					
1.	1.001192	Thủ tục chỉ định tổ chức thực hiện hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo,	Thông tư số 54/2025/TT-BKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và	Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính bị bãi bỏ	Tên VBQPPL quy định nội dung bãi bỏ	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
		chuẩn đo lường	Công nghệ		Quốc gia
2.	2.000585	Thủ tục điều chỉnh nội dung của quyết định chỉ định, chỉ định lại tổ chức hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường	Thông tư số 54/2025/TT-BKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia
3.	1.002406	Thủ tục bãi bỏ hiệu lực của quyết định đình chỉ hiệu lực của Quyết định chứng nhận chuẩn đo lường.	Thông tư số 54/2025/TT-BKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia
4.	1.002346	Thủ tục bãi bỏ hiệu lực của quyết định đình chỉ hiệu lực của Quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường.	Thông tư số 54/2025/TT-BKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia
5.	1.003444	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động công nhận	Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.	Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Bộ Khoa học và Công nghệ (Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia)
6.	1.003435	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng	Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026	Tiêu chuẩn Đo	Bộ Khoa học và Công

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính bị bãi bỏ	Tên VBQPPL quy định nội dung bãi bỏ	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
		ký hoạt động công nhận		lường Chất lượng	nghe (Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia)
7.	1.003430	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động công nhận	Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026	Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Bộ Khoa học và Công nghệ (Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia)
8.	1.001359	Thủ tục xét tặng Giải thưởng Chất lượng Quốc gia	Thông tư số 03/2026/TT- BKHCN ngày 12/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Bộ Khoa học và Công nghệ (Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia)

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1.	3.000469	Thủ tục chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2	Thông tư số 54/2025/TT- BKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
2.	3.000470	Thủ tục điều chỉnh quyết định chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực	Thông tư số 54/2025/TT- BKHCN ngày 31/12/2025 của	Tiêu chuẩn đo lường	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính bị bãi bỏ	Tên VBQPPL quy định nội dung bãi bỏ	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
		tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2	Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	chất lượng	
3.	3.000471	Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường	Thông tư số 54/2025/TT- BKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
4.	3.000488	Thủ tục chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường	Thông tư số 54/2025/TT- BKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
5.	3.000472	Thủ tục điều chỉnh nội dung quyết định chứng nhận, cấp thẻ, cấp lại thẻ kiểm định viên đo lường	Thông tư số 54/2025/TT- BKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
6.	3.000473	Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường	Thông tư số 54/2025/TT- BKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
7.	3.000453	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Nghị định số 22/2026/NĐ-CP của Chính phủ	Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)
8.	3.000451	Thủ tục cấp bỏ	Nghị định số	Tiêu	Ủy ban

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính bị bãi bỏ	Tên VBQPPL quy định nội dung bãi bỏ	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
		sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa	22/2026/NĐ-CP của Chính phủ	chuẩn Đo lường chất lượng	nhân dân cấp tỉnh (Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)
9.	3.000454	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Nghị định số 22/2026/NĐ-CP của Chính phủ	Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)
10.	3.000461	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý	Nghị định số 22/2026/NĐ-CP của Chính phủ	Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)
11.	3.000462	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý	Nghị định số 22/2026/NĐ-CP của Chính phủ	Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)
12.	3.000464	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý	Nghị định số 22/2026/NĐ-CP của Chính phủ	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)
13.	3.000458	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng	Nghị định số 22/2026/NĐ-CP của Chính phủ	Tiêu chuẩn Đo lường chất	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Chủ tịch Ủy ban

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính bị bãi bỏ	Tên VBQPPL quy định nội dung bãi bỏ	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
		hóa		lượng	nhân dân cấp tỉnh)
14.	3.000460	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Nghị định số 22/2026/NĐ-CP của Chính phủ	Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)
15.	3.000459	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Nghị định số 22/2026/NĐ-CP của Chính phủ	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)
16.	3.000455	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng	Nghị định số 22/2026/NĐ-CP của Chính phủ	Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)
17.	3.000456	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng	Nghị định số 22/2026/NĐ-CP của Chính phủ	Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)
18.	3.000457	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng	Nghị định số 22/2026/NĐ-CP của Chính phủ	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)
19.	2.001269	Thủ tục đăng ký	Thông tư số	Tiêu	Bộ Khoa

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính bị bãi bỏ	Tên VBQPPL quy định nội dung bãi bỏ	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
		tham dự sơ tuyển xét tặng giải thưởng chất lượng quốc gia.	03/2026/TT- BKHCN ngày 12/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	chuẩn Đo lường Chất lượng	học và Công nghệ (Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia)

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI CẤP TRUNG ƯƠNG

1. Thủ tục chỉ định tổ chức thực hiện hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường

Trình tự thực hiện	Bước 1: Khi có nhu cầu đăng ký chỉ định thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm, tổ chức lập 01 bộ hồ sơ đăng ký chỉ định gửi đến Bộ phận một cửa Bộ Khoa học và Công nghệ. Bước 2: Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia giải quyết hồ sơ theo quy định: - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, nếu hồ sơ không hợp lệ, Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia thông báo bằng văn bản cho tổ chức đăng ký chỉ định về lý do từ chối giải quyết hồ sơ hoặc những nội dung cần hoàn thiện. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia ban hành quyết định thành lập đoàn đánh giá tại cơ sở. Bước 3: Đoàn đánh giá tiến hành đánh giá theo quy định. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ban hành quyết định thành lập đoàn đánh giá, trưởng đoàn đánh giá phải nộp hồ sơ kết quả đánh giá về Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia. Trường hợp tổ chức đăng ký chỉ định có những điểm không phù hợp nhưng có thể khắc phục thì sau khi thống nhất với tổ chức, đoàn đánh giá gửi văn bản thông báo nội dung và thời hạn khắc phục cho tổ chức đăng ký chỉ định và Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia. Thời gian khắc phục tại thông báo không quá 30 ngày. Tổ chức đăng ký chỉ định tiến hành khắc phục các điểm không phù hợp và gửi báo cáo cho đoàn đánh giá. Đoàn đánh giá tiến hành thẩm định báo cáo khắc phục, trường hợp cần thiết đoàn đánh giá tiến hành đánh giá lại tại cơ sở. Trong trường hợp này, thời hạn khắc phục và thời gian đánh giá lại không tính vào thời hạn đánh giá. Bước 4: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ kết quả đánh giá tại cơ sở theo quy định, nếu kết quả đánh giá đạt yêu cầu quy định, Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia xem xét, cấp quyết định chỉ định tổ chức thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm. Trường hợp kết quả đánh giá không đạt yêu cầu, Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia thông báo bằng văn bản cho tổ chức đăng ký chỉ định và cơ quan, tổ chức có liên quan.
--------------------	---

Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tuyến: thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính tới Bộ phận một cửa Bộ Khoa học và Công nghệ.
Thành phần, số lượng hồ sơ	* Thành phần hồ sơ: - Đơn đăng ký chỉ định tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo nhóm 2, chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 54/2025/TT-BKHCN.) - Báo cáo về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân lực (theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 36/2026/NĐ-CP). - Bản công bố đã thiết lập và duy trì hệ thống quản lý phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 đối với hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường (theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 54/2025/TT-BKHCN.) * Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	30 ngày làm việc và 30 ngày đánh giá tại cơ sở kể từ ngày hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (không bao gồm thời gian khắc phục và đánh giá lại).
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Quyết định chỉ định tổ chức thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường (theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 54/2025/TT-BKHCN.)
Phí, lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Đơn đăng ký chỉ định tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo nhóm 2, chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 54/2025/TT-BKHCN.) - Báo cáo về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân lực (theo Mẫu số

	02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 36/2026/NĐ-CP). - Bản công bố đã thiết lập và duy trì hệ thống quản lý phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 đối với hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường (theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 54/2025/TT-BKHCN.)
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính	- Có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật Việt Nam. - Có đủ cơ sở vật chất, kỹ thuật (bao gồm chuẩn công tác, chất chuẩn, phương tiện, điều kiện môi trường thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm) theo yêu cầu của văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam tương ứng do cơ quan nhà nước về đo lường có thẩm quyền thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành. Chuẩn công tác và chất chuẩn dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 phải được hiệu chuẩn, thử nghiệm hoặc so sánh tại tổ chức hiệu chuẩn, thử nghiệm tại Việt Nam có lĩnh vực hoạt động phù hợp được chỉ định hoặc tại tổ chức thử nghiệm ở nước ngoài có lĩnh vực hoạt động phù hợp được công nhận và phải được chứng nhận theo quy định tại Điều 14 và Điều 15 của Luật Đo lường. - Có ít nhất 01 nhân viên kỹ thuật đáp ứng các yêu cầu sau đây: + Là viên chức hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn; + Tốt nghiệp trung cấp hoặc tương đương trở lên; + Có giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường tương ứng theo hướng dẫn của cơ quan nhà nước về đo lường có thẩm quyền thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ; + Nhân viên kiểm định phương tiện đo nhóm 2 phải được chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường. - Đáp ứng các yêu cầu về tính độc lập, khách quan sau đây: + Người đứng đầu tổ chức được chỉ định phải tuân thủ hệ thống quản lý đã thiết lập và văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam tương ứng; không chịu sự tác động, chi phối của bất kỳ tổ chức, cá nhân nào trong hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm; bảo đảm và chịu trách nhiệm về tính chính xác của kết quả kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã thực hiện; + Nhân viên kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phải tuân thủ văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam tương ứng; không chịu sự

	tác động, chi phối của bất kỳ tổ chức, cá nhân nào trong quá trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm; bảo đảm và chịu trách nhiệm về tính chính xác của kết quả kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã thực hiện. - Đã thiết lập và duy trì hệ thống quản lý phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 đối với hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Đo lường số 04/2011/QH13 ngày 11/11/2011; - Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường. - Nghị định số 36/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ và Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 54/2025/TT-BKHHCN ngày 31/12/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.

CƠ QUAN CHỦ QUẢN (nếu có)
TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...

..., ngày ... tháng ... năm 20...

**ĐĂNG KÝ CHỈ ĐỊNH THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG
KIỂM ĐỊNH, HIỆU CHUẨN, THỬ NGHIỆM**

Kính gửi: Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia

1. Tên tổ chức:

- Địa chỉ trụ sở chính:⁽¹⁾

- Điện thoại: Email:

2. Mã số doanh nghiệp/Số đăng ký hoạt động khoa học công nghệ/Số Giấy chứng nhận đăng ký:.....⁽²⁾.....cấp ngày.....do.....⁽³⁾..... cấp

3. Đăng ký chỉ định thực hiện hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đối với lĩnh vực hoạt động sau đây:

3.1. Hoạt động kiểm định:

TT	Tên phương tiện đo	Phạm vi đo	Cấp/độ chính xác/Sai số cho phép lớn nhất	Quy trình kiểm định (ĐLVN) ⁽⁴⁾	Ghi chú ⁽⁵⁾
1.					
...					

3.2. Hoạt động hiệu chuẩn:

TT	Chuẩn đo lường	Phạm vi đo	Cấp/độ chính xác/Độ không đảm bảo đo/Sai số cho phép lớn nhất	Quy trình hiệu chuẩn (ĐLVN) ⁽⁴⁾	Ghi chú ⁽⁵⁾
1.					
...					

3.3. Hoạt động thử nghiệm:

TT	Tên phương tiện đo/chuẩn đo lường	Phạm vi đo	Cấp/độ chính xác/Độ không đảm bảo đo/ Sai số cho phép lớn nhất	Quy trình thử nghiệm (ĐLVN) ⁽⁴⁾	Ghi chú ⁽⁵⁾
1.					
2.					
...					

4. Địa điểm thực hiện hoạt động⁽⁶⁾:

- Điện thoại: Email:

Kính đề nghị Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia xem xét, chỉ định.

(Tên tổ chức) xin cam kết thực hiện đúng các quy định về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm và các quy định khác của pháp luật có liên quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT;... (đơn vị soạn thảo).

NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Chỉ ghi một địa chỉ theo quyết định thành lập, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.

(2) Điền Mã số doanh nghiệp theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Số đăng ký hoạt động khoa học công nghệ theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm.

(3) Ghi rõ tên cơ quan cấp quyết định.

(4) Chỉ ghi ký hiệu của văn bản kỹ thuật đo lường (ví dụ: ĐLVN 16:2021).

(5) Ghi chú rõ từng trường hợp: Trường hợp đăng ký bổ sung lĩnh vực: Ghi rõ “Bổ sung”. Trường hợp thu hẹp, mở rộng phạm vi đã được chỉ định: Ghi rõ “Điều chỉnh”. Trường hợp chỉ định lại: Ghi rõ “Chỉ định lại”.

(6) Trường hợp thực hiện hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm tại địa điểm (các địa điểm) cố định thì ghi địa chỉ, điện thoại, email (nếu có) của địa điểm (của từng địa điểm); trường hợp thực hiện hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm tại hiện trường thì ghi “tại hiện trường”; trường hợp thực hiện hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm tại địa điểm cố định và hiện trường thì kết hợp ghi cả hai.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN CÔNG BỐ ĐÃ THIẾT LẬP VÀ DUY TRÌ HỆ THỐNG QUẢN LÝ
 PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO/IEC 17025 ĐỐI VỚI
 HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH, HIỆU CHUẨN, THỬ NGHIỆM
 PHƯƠNG TIỆN ĐO, CHUẨN ĐO LƯỜNG**

Tên tổ chức:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:.....; Email:.....

CÔNG BỐ:

Đã thiết lập, vận hành và duy trì hệ thống quản lý theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 đối với hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường của...(tên tổ chức)...

Mã số công nhận ISO/IEC 17025 (nếu có):.....

...(Tên tổ chức)... xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của bản công bố này và cam kết luôn duy trì, lưu giữ đầy đủ hồ sơ hệ thống quản lý đảm bảo phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 đối với hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.

Nơi nhận:

- Ủy ban TCDLCL Quốc gia;
- Lưu VT;... (đơn vị soạn thảo).

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

2. Thủ tục điều chỉnh nội dung quyết định chỉ định, chỉ định lại tổ chức hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường

Trình tự thực hiện	Bước 1: Khi có nhu cầu đăng ký chỉ định bổ sung lĩnh vực, thu hẹp, mở rộng phạm vi đã được chỉ định, điều chỉnh thông tin trên quyết định chỉ định đã được cấp (trong trường hợp hợp nhất, sáp nhập, đổi tên, chia, tách, chuyển đổi hình thức, thay đổi địa chỉ, địa điểm hoạt động) hoặc chỉ định lại, tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm được chỉ định lập 01 bộ hồ sơ theo quy định gửi đến Bộ phận một cửa Bộ Khoa học và Công nghệ. Bước 2: Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia giải quyết hồ sơ theo quy định: - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, nếu hồ sơ không hợp lệ, Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia thông báo bằng văn bản cho tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm được chỉ định về lý do từ chối giải quyết hồ sơ hoặc những nội dung cần hoàn thiện. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, tùy từng trường hợp cụ thể, Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia xem xét, quyết định kiểm tra trên hồ sơ hoặc đánh giá tại cơ sở: + Trường hợp kiểm tra trên hồ sơ, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia xem xét, cấp quyết định chỉ định. + Trường hợp đánh giá tại cơ sở: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia ban hành quyết định thành lập đoàn đánh giá tại cơ sở.. Bước 3: Đoàn đánh giá tiến hành đánh giá theo quy định. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ban hành quyết định thành lập đoàn đánh giá, trưởng đoàn đánh giá phải nộp hồ sơ kết quả đánh giá về Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia. Trường hợp tổ chức đăng ký chỉ định có những điểm không phù hợp nhưng có thể khắc phục thì sau khi thống nhất với tổ chức, đoàn đánh giá gửi văn bản thông báo nội dung và thời hạn khắc phục cho tổ chức đăng ký chỉ định và Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng. Thời gian khắc phục tại thông báo không quá 30 ngày. Tổ chức đăng ký chỉ định tiến hành khắc phục các điểm không phù hợp và gửi báo cáo cho đoàn đánh giá. Đoàn đánh giá tiến hành thẩm định báo cáo khắc phục, trường hợp cần thiết đoàn đánh giá tiến hành đánh giá
--------------------	--

	lại tại cơ sở. Trong trường hợp này, thời hạn khắc phục và thời gian đánh giá lại không tính vào thời hạn đánh giá. Bước 4: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ kết quả đánh giá tại cơ sở theo quy định, nếu kết quả đánh giá đạt yêu cầu quy định, Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia xem xét, cấp quyết định chỉ định tổ chức thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm. Trường hợp kết quả đánh giá không đạt yêu cầu, Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia thông báo bằng văn bản cho tổ chức đăng ký chỉ định và cơ quan, tổ chức có liên quan.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tuyến: thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính tới Bộ phận một cửa Bộ Khoa học và Công nghệ.
Thành phần, số lượng hồ sơ	* Thành phần hồ sơ: - Trường hợp đăng ký chỉ định bổ sung lĩnh vực, thu hẹp, mở rộng phạm vi đã được chỉ định: + Đơn đăng ký chỉ định tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo nhóm 2, chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 54/2025/TT-BKHCN.) + Báo cáo về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân lực (theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 36/2026/NĐ-CP. - Trường hợp đề nghị điều chỉnh thông tin trên quyết định chỉ định đã được cấp, hồ sơ gồm: + Công văn đề nghị có nêu rõ nội dung điều chỉnh; + Bản sao có đóng dấu sao y của tổ chức hoặc bản sao điện tử các tài liệu có liên quan đến nội dung điều chỉnh. - Trường hợp đăng ký chỉ định lại: + Đơn đăng ký chỉ định tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo nhóm 2, chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 54/2025/TT-BKHCN. + Báo cáo về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân lực (theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 36/2026/NĐ-CP. * Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Thời hạn giải quyết	- Trường hợp kiểm tra trên hồ sơ: 10 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. - Trường hợp đánh giá tại cơ sở: 30 ngày làm việc và 30 ngày đánh giá tại cơ sở kể từ ngày hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (không bao gồm thời gian khắc phục và đánh giá lại).
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Quyết định chỉ định tổ chức thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường (theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 54/2025/TT-BKHCN)
Phí, lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Đơn đăng ký chỉ định tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo nhóm 2, chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 54/2025/TT-BKHCN). - Báo cáo về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân lực (theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 36/2026/NĐ-CP).
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính	- Có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật Việt Nam. - Có đủ cơ sở vật chất, kỹ thuật (bao gồm chuẩn công tác, chất chuẩn, phương tiện, điều kiện môi trường thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm) theo yêu cầu của văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam tương ứng do cơ quan nhà nước về đo lường có thẩm quyền thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành. Chuẩn công tác và chất chuẩn dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 phải được hiệu chuẩn, thử nghiệm hoặc so sánh tại tổ chức hiệu chuẩn, thử nghiệm tại Việt Nam có lĩnh vực hoạt động phù hợp được chỉ định hoặc tại tổ chức thử nghiệm ở nước ngoài có lĩnh vực hoạt động phù hợp được công nhận và phải được chứng nhận theo quy định tại Điều 14 và Điều 15 của Luật Đo lường. - Có ít nhất 01 nhân viên kỹ thuật đáp ứng các yêu cầu sau đây: + Là viên chức hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động

	xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn; + Tốt nghiệp trung cấp hoặc tương đương trở lên; + Có giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường tương ứng theo hướng dẫn của cơ quan nhà nước về đo lường có thẩm quyền thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ; + Nhân viên kiểm định phương tiện đo nhóm 2 phải được chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường. - Đáp ứng các yêu cầu về tính độc lập, khách quan sau đây: + Người đứng đầu tổ chức được chỉ định phải tuân thủ hệ thống quản lý đã thiết lập và văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam tương ứng; không chịu sự tác động, chi phối của bất kỳ tổ chức, cá nhân nào trong hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm; bảo đảm và chịu trách nhiệm về tính chính xác của kết quả kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã thực hiện; + Nhân viên kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phải tuân thủ văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam tương ứng; không chịu sự tác động, chi phối của bất kỳ tổ chức, cá nhân nào trong quá trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm; bảo đảm và chịu trách nhiệm về tính chính xác của kết quả kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã thực hiện. - Đã thiết lập và duy trì hệ thống quản lý phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 đối với hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Đo lường số 04/2011/QH13 ngày 11/11/2011; - Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường. - Nghị định số 36/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ và Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ

	quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 54/2025/TT-BKHHCN ngày 31/12/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.
--	---

3. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động công nhận

Trình tự thực hiện	Bước 1: Khi có nhu cầu đăng ký hoạt động công nhận, tổ chức công nhận nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký theo hình thức dịch vụ công trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia. Cổng dịch vụ công quốc gia được kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Trường hợp Cổng dịch vụ công quốc gia bị lỗi hoặc thủ tục hành chính này chưa hoàn thiện hạ tầng Dịch vụ công trực tuyến, tổ chức công nhận nộp hồ sơ bản giấy theo quy định tại Nghị định số 22/2026/NĐ-CP theo hình thức nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính gửi đến Bộ phận một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ. Bước 2: Bộ Khoa học và Công nghệ tiếp nhận hồ sơ, xem xét, xử lý theo quy định: - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ thông báo yêu cầu tổ chức công nhận sửa đổi, bổ sung; - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm tổ chức đoàn đánh giá và cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức công nhận; Trước khi Giấy chứng nhận hết thời hạn hiệu lực 90 ngày, nếu có nhu cầu tiếp tục tham gia hoạt động công nhận, tổ chức công nhận lập 01 bộ hồ sơ như đối với trường hợp cấp mới quy định tại khoản 2 Điều này và gửi về cơ quan tiếp nhận hồ sơ.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp thông qua cổng dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Trường hợp Cổng dịch vụ công quốc gia bị lỗi hoặc thủ tục hành chính này chưa hoàn thiện hạ tầng Dịch vụ công trực tuyến, nộp hồ sơ bản giấy theo quy định tại Nghị định số 22/2026/NĐ-CP theo hình thức nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính gửi về Bộ phận một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ.
Thành phần, số lượng hồ sơ	* Thành phần hồ sơ: - Đơn đăng ký hoạt động công nhận (theo Mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP). - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ;

	- Hệ thống tài liệu (tài liệu, quy trình đánh giá và các tài liệu khác liên quan) đáp ứng các yêu cầu của tiêu chuẩn tương ứng quy định tại Điều 58 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP; - Thuyết minh về cơ cấu tổ chức và trách nhiệm của từng vị trí trong cơ cấu tổ chức; - Danh sách các tổ chức thử nghiệm thành thạo được tổ chức công nhận thừa nhận đối với chương trình công nhận đăng ký; - Tài liệu chứng minh tổ chức công nhận là thành viên ký kết thỏa thuận/thỏa ước thừa nhận lẫn nhau (MRA/MLA) của các tổ chức công nhận quốc tế hoặc khu vực đối với các chương trình, lĩnh vực công nhận đăng ký; - Danh sách chuyên gia đánh giá trưởng, chuyên gia đánh giá, chuyên gia kỹ thuật (theo Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 22/2026/NĐ-CP) và kèm theo các tài liệu gồm: bản sao Quyết định tuyển dụng hoặc Hợp đồng lao động; bản sao chứng chỉ đào tạo (chuyên môn, hệ thống quản lý) tương ứng, kinh nghiệm công tác và tài liệu chứng minh kinh nghiệm đánh giá thực tế đối với từng chuyên gia; - Mẫu quyết định công nhận, chứng chỉ công nhận và dấu (logo) công nhận của tổ chức. * Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định: 03 ngày làm việc. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 07 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và không tính thời gian đánh giá tại cơ sở, thời gian khắc phục và đánh giá lại (nếu có).
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức công nhận
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Bộ Khoa học và Công nghệ
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động công nhận (theo Mẫu số 13 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP)
Phí, lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Đơn đăng ký hoạt động công nhận (theo Mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP). - Danh sách chuyên gia đánh giá trưởng, chuyên gia đánh giá, chuyên gia kỹ thuật (theo Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 22/2026/NĐ-CP).

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

- Người thành lập, quản lý, điều hành tổ chức công nhận không được đồng thời tham gia quản lý hoặc điều hành hoặc tham gia góp vốn bất kỳ tổ chức đánh giá sự phù hợp nào trong cùng lĩnh vực được công nhận.
- Có cơ cấu tổ chức, hệ thống quản lý và năng lực hoạt động đáp ứng các yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17011 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17011.
- Là thành viên ký kết thỏa thuận/thỏa ước thừa nhận lẫn nhau (MRA/MLA) của các tổ chức hợp tác công nhận quốc tế hoặc khu vực đối với các chương trình, lĩnh vực công nhận đăng ký. Các tổ chức quốc tế, khu vực này bao gồm: Tổ chức Công nhận các phòng thử nghiệm quốc tế (ILAC), Diễn đàn Công nhận Quốc tế (IAF), Tổ chức hợp tác Công nhận khu vực Châu Á Thái Bình Dương (APAC) hoặc tổ chức công nhận được thừa nhận theo các Thỏa thuận Thừa nhận lẫn nhau (MRA/MLA) mà Việt Nam tham gia.
- Có ít nhất 06 chuyên gia đánh giá chính thức của tổ chức (viên chức hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ không xác định thời hạn), gồm 01 chuyên gia đánh giá trưởng trong mỗi chương trình công nhận và phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - + Có trình độ tốt nghiệp đại học trở lên, trong đó đối với chuyên gia đánh giá trưởng, có ít nhất 02 năm kinh nghiệm liên quan đến quản lý chất lượng, đánh giá năng lực của tổ chức đánh giá sự phù hợp tương ứng; đối với chuyên gia đánh giá, có ít nhất 01 năm kinh nghiệm liên quan đến quản lý chất lượng, đánh giá năng lực của tổ chức đánh giá sự phù hợp tương ứng;
 - + Được đào tạo và cấp chứng chỉ hoàn thành khóa học và đạt yêu cầu về đánh giá công nhận theo các tiêu chuẩn phiên bản hiện hành (ISO/IEC 17025, ISO/IEC 17020, ISO 15189, ISO/IEC 17021-1, ISO/IEC 17065, ISO/IEC 17024, ISO/IEC 17029 và các tiêu chuẩn tương đương khác) phù hợp với chương trình công nhận đăng ký;
 - + Có kinh nghiệm thực hiện ít nhất 05 cuộc đánh giá công nhận theo các tiêu chuẩn công nhận phiên bản hiện hành (ISO/IEC 17025, ISO/IEC 17020, ISO 15189, ISO/IEC 17021-1, ISO/IEC 17065, ISO/IEC 17024, ISO/IEC 17029 và các tiêu chuẩn tương đương khác) dưới sự giám sát của

	chuyên gia đánh giá trưởng đã được phê duyệt; + Chuyên gia đánh giá công nhận phải đáp ứng các yêu cầu khác quy định trong hướng dẫn các chương trình công nhận tương ứng của Tổ chức Công nhận các phòng thử nghiệm Quốc tế (ILAC), Diễn đàn Công nhận Quốc tế (IAF), Tổ chức hợp tác Công nhận khu vực Châu Á Thái Bình Dương (APAC).
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15. - Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20....

ĐƠN ĐĂNG KÝ
HOẠT ĐỘNG CÔNG NHẬN

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Tên tổ chức:.....
2. Địa chỉ liên lạc:
Điện thoại:Fax: E-mail:.....
3. Quyết định thành lập số:.....
4. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ số:.....

Cơ quan cấp:Ngày cấp

5. Sau khi nghiên cứu quy định tại Nghị định số/...../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, chúng tôi nhận thấy có đủ các điều kiện cung cấp dịch vụ công nhận đối với các chương trình công nhận sau:

TT	Tên chương trình công nhận	Lĩnh vực công nhận
1.		
2.		

6. Mẫu quyết định công nhận, chứng chỉ công nhận, dấu (logo) công nhận được gửi kèm theo.

7. Các tài liệu kèm theo:

-
-

Đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét và cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động công nhận nêu trên.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định của pháp luật về hoạt động công nhận, các quy định có liên quan của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khai báo nói trên./.

LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC
(Ký tên, đóng dấu)

TÊN TỔ CHỨC :.....

DANH SÁCH
CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ TRƯỞNG, CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ,
CHUYÊN GIA KỸ THUẬT CỦA TỔ CHỨC CÔNG NHẬN

1. Danh sách chuyên gia:

STT	Họ và tên chuyên gia	Chuyên môn được đào tạo	Hệ thống quản lý được đào tạo	Trình độ chuyên gia (đánh giá trưởng/đánh giá/ kỹ thuật)	Kinh nghiệm công tác (ghi số năm)	Kinh nghiệm đánh giá, (ghi số ngày công)	Loại hợp đồng lao động đã ký
1							
2							
3							
4							
5							
....							
....							

2. Kinh nghiệm đánh giá thực tế của từng chuyên gia:

STT	Họ và tên chuyên gia	Tiêu chuẩn đánh giá	Lĩnh vực công nhận	Thời gian đánh giá	Tên, địa chỉ tổ chức đánh giá sự phù hợp đã đánh giá	Người giám sát
1						
2						
3						
4						
5						
....						
....						

(tên tổ chức) cam đoan các nội dung khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã khai./.

....., ngày.....tháng.....năm.....

LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC

(Ký tên, đóng dấu)

4. Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động công nhận

Trình tự thực hiện	Bước 1: Khi tổ chức công nhận bổ sung, mở rộng, thu hẹp phạm vi công nhận, tổ chức công nhận nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký theo hình thức dịch vụ công trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia. Cổng dịch vụ công quốc gia được kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Trường hợp Cổng dịch vụ công quốc gia bị lỗi hoặc thủ tục hành chính này chưa hoàn thiện hạ tầng Dịch vụ công trực tuyến, tổ chức công nhận nộp hồ sơ bản giấy theo quy định tại Nghị định số 22/2026/NĐ-CP theo hình thức nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính gửi đến Bộ phận một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ. Bước 2: Bộ Khoa học và Công nghệ tiếp nhận hồ sơ, xem xét, xử lý theo quy định: - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức công nhận sửa đổi, bổ sung; - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức công nhận; trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng có nội dung không phù hợp hoặc có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc có thông tin, phản ánh về dấu hiệu vi phạm liên quan đến hồ sơ thì Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm tổ chức đoàn đánh giá và cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức công nhận.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp thông qua cổng dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Trường hợp Cổng dịch vụ công quốc gia bị lỗi hoặc thủ tục hành chính này chưa hoàn thiện hạ tầng Dịch vụ công trực tuyến, nộp hồ sơ bản giấy theo quy định tại Nghị định số 22/2026/NĐ-CP theo hình thức nộp trực tiếp hoặc trực tuyến tại Bộ phận một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ.
Thành phần, số lượng hồ sơ	* Thành phần hồ sơ: - Đơn đăng ký bổ sung, sửa đổi hoạt động công nhận (theo Mẫu số 14 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP). - Các tài liệu chứng minh yêu cầu bổ sung, sửa đổi. * Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Thời hạn giải quyết	- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định: 03 ngày làm việc - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 07 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và không tính thời gian đánh giá tại cơ sở, thời gian khắc phục và đánh giá lại (nếu có).
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức công nhận
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Bộ Khoa học và Công nghệ
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động công nhận (theo Mẫu số 13 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP)
Phí, lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Đơn đăng ký bổ sung, sửa đổi hoạt động công nhận (theo Mẫu số 14 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP). - Danh sách chuyên gia đánh giá trưởng, chuyên gia đánh giá, chuyên gia kỹ thuật bổ sung, sửa đổi (theo Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 22/2026/NĐ-CP).
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính	- Đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động công nhận. - Có cơ cấu tổ chức, hệ thống quản lý và năng lực hoạt động đáp ứng các yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17011 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17011 đối với lĩnh vực đăng ký sửa đổi, bổ sung. - Là thành viên ký kết thỏa thuận/thỏa ước thừa nhận lẫn nhau (MRA/MLA) của các tổ chức hợp tác công nhận quốc tế hoặc khu vực đối với các chương trình, lĩnh vực công nhận đăng ký. Các tổ chức quốc tế, khu vực này bao gồm: Tổ chức Công nhận các phòng thử nghiệm quốc tế (ILAC), Diễn đàn Công nhận Quốc tế (IAF), Tổ chức hợp tác Công nhận khu vực Châu Á Thái Bình Dương (APAC) hoặc tổ chức công nhận được thừa nhận theo các Thỏa thuận Thừa nhận lẫn nhau (MRA/MLA) mà Việt Nam tham gia. - Có ít nhất 02 chuyên gia chính thức của tổ chức (viên chức hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ không xác định thời hạn) tương ứng với mỗi lĩnh vực hoạt động công nhận đăng ký bổ sung, đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3, Điều

	58, Nghị định số 22/2026/NĐ-CP.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15. - Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20....

ĐƠN ĐĂNG KÝ BỔ SUNG, SỬA ĐỔI
HOẠT ĐỘNG CÔNG NHẬN

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Tên tổ chức:.....
2. Địa chỉ liên lạc:
Điện thoại:Fax: E-mail:.....
3. Đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động công nhận số.....
ngày ... tháng ... năm 20.... của Bộ Khoa học và Công nghệ.
4. Hoạt động công nhận đề nghị bổ sung, sửa đổi:

TT	Tên chương trình công nhận	Lĩnh vực công nhận
1.		
2.		
3.		

5. Các tài liệu kèm theo:

-.....

-.....

Đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét và cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động công nhận với nội dung bổ sung, sửa đổi chương trình, lĩnh vực công nhận nêu trên.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định về hoạt động công nhận, các quy định có liên quan của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khai báo nói trên./.

LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC
(Ký tên, đóng dấu)

TÊN TỔ CHỨC :.....

DANH SÁCH
CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ TRƯỞNG, CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ,
CHUYÊN GIA KỸ THUẬT CỦA TỔ CHỨC CÔNG NHẬN

1. Danh sách chuyên gia:

STT	Họ và tên chuyên gia	Chuyên môn được đào tạo	Hệ thống quản lý được đào tạo	Trình độ chuyên gia (đánh giá trưởng/đánh giá/ kỹ thuật)	Kinh nghiệm công tác (ghi số năm)	Kinh nghiệm đánh giá, (ghi số ngày công)	Loại hợp đồng lao động đã ký
1							
2							
3							
4							
5							
....							
....							

2. Kinh nghiệm đánh giá thực tế của từng chuyên gia:

STT	Họ và tên chuyên gia	Tiêu chuẩn đánh giá	Lĩnh vực công nhận	Thời gian đánh giá	Tên, địa chỉ tổ chức đánh giá sự phù hợp đã đánh giá	Người giám sát
1						
2						
3						
4						
5						
....						
....						

(tên tổ chức) cam đoan các nội dung khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã khai./.

....., ngày.....tháng.....năm.....

LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC

(Ký tên, đóng dấu)

5. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động công nhận

Trình tự thực hiện	Bước 1: Tổ chức công nhận có Giấy chứng nhận còn hiệu lực nhưng thay đổi tên, địa chỉ của tổ chức hoặc Giấy chứng nhận bản giấy bị mất, hư hỏng, tổ chức công nhận nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký theo hình thức dịch vụ công trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia. Cổng dịch vụ công quốc gia được kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Trường hợp Cổng dịch vụ công quốc gia bị lỗi hoặc thủ tục hành chính này chưa hoàn thiện hạ tầng Dịch vụ công trực tuyến, tổ chức công nhận nộp hồ sơ bản giấy theo quy định tại Nghị định số 22/2026/NĐ-CP theo hình thức nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính gửi đến Bộ phận một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ. Bước 2: Bộ Khoa học và Công nghệ tiếp nhận hồ sơ, xem xét, xử lý theo quy định: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm cấp lại Giấy chứng nhận cho tổ chức công nhận. Trường hợp không đáp ứng yêu cầu, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo và nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp thông qua cổng dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Trường hợp Cổng dịch vụ công quốc gia bị lỗi hoặc thủ tục hành chính này chưa hoàn thiện hạ tầng Dịch vụ công trực tuyến, nộp hồ sơ bản giấy theo quy định tại Nghị định số 22/2026/NĐ-CP theo hình thức nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính gửi đến Bộ phận một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ.
Thành phần, số lượng hồ sơ	* Thành phần hồ sơ: - Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận (theo Mẫu số 15 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP). * Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	03 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ đầy đủ, hợp lệ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức công nhận
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Bộ Khoa học và Công nghệ

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động công nhận (theo Mẫu số 13 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP)
Phí, lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động công nhận (theo Mẫu số 15 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP)
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính	Không
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15. - Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CÔNG NHẬN

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Tên tổ chức:
2. Địa chỉ liên lạc:
Điện thoại:..... Fax: E-mail:
3. Đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động công nhận số.....
ngày ... tháng ... năm 20.... của Bộ Khoa học và Công nghệ.
4. Lý do đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động công
nhận:.....
5. Hồ sơ kèm theo:
-
-

Đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động công nhận cho (tên tổ chức).

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định của pháp luật về hoạt động công nhận, các quy định có liên quan của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khai báo nói trên./.

LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC
(Ký tên, đóng dấu)

6. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận

Trình tự thực hiện	Bước 1: Khi có nhu cầu đăng ký hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận, tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký theo hình thức dịch vụ công trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia. Cổng dịch vụ công quốc gia được kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Trường hợp Cổng dịch vụ công quốc gia bị lỗi hoặc thủ tục hành chính này chưa hoàn thiện hạ tầng Dịch vụ công trực tuyến, tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận nộp hồ sơ bản giấy theo quy định tại Nghị định số 22/2026/NĐ-CP theo hình thức nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính gửi đến Bộ phận một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ. Bước 2: Bộ Khoa học và Công nghệ tiếp nhận hồ sơ, xem xét, xử lý theo quy định: - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ thông báo yêu cầu tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận sửa đổi, bổ sung; - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP; Trước khi Giấy chứng nhận hết thời hạn hiệu lực 90 ngày, nếu có nhu cầu tiếp tục tham gia hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận, tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận phải lập 01 bộ hồ sơ như đối với trường hợp cấp mới quy định tại khoản 2 Điều 54 Nghị định 22/2026/NĐ-CP và gửi về cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Nghị định 22/2026/NĐ-CP. Trường hợp các tài liệu, quy trình, các tài liệu khác liên quan để chứng minh năng lực hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận và chuyên gia của tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận có hồ sơ tại các lần đăng ký cấp trước đó vẫn đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định 22/2026/NĐ-CP, tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận có văn bản gửi kèm theo bảo lưu hồ sơ chứng minh năng lực hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra
--------------------	--

	xác nhận và hồ sơ nhân sự của chuyên gia, không phải nộp các chứng chỉ, tài liệu liên quan đối với mỗi chuyên gia theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 54 Nghị định 22/2026/NĐ-CP.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp thông qua cổng dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Trường hợp Cổng dịch vụ công quốc gia bị lỗi hoặc thủ tục hành chính này chưa hoàn thiện hạ tầng Dịch vụ công trực tuyến, nộp hồ sơ bản giấy theo quy định tại Nghị định số 22/2026/NĐ-CP theo hình thức nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính gửi đến Bộ phận một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ.
Thành phần, số lượng hồ sơ	* Thành phần hồ sơ: - Đơn đăng ký hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận (theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP). - Các chứng chỉ, tài liệu liên quan đối với mỗi chuyên gia gồm: bản sao Quyết định tuyển dụng hoặc Hợp đồng lao động; bản sao các bằng cấp, chứng chỉ theo quy định tại khoản 3 Điều 54 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP; tóm tắt quá trình công tác, kinh nghiệm hoạt động theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP và tài liệu chứng minh kinh nghiệm hoạt động của chuyên gia. - Tài liệu chứng minh năng lực hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 54 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP, cụ thể như sau: + Trường hợp tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận đã được tổ chức công nhận quy định tại Điều 58 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP hoặc tổ chức công nhận thành lập tại nước ngoài quy định tại Điều 62 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP công nhận đối với toàn bộ phạm vi đăng ký hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận: tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận nộp bản sao Chứng chỉ công nhận kèm theo phạm vi được công nhận. + Trường hợp tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận đã được tổ chức công nhận quy định tại Điều 58 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP hoặc tổ chức công nhận thành lập tại nước ngoài quy định tại Điều 62 Nghị định này công nhận nhưng phạm vi đăng ký hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận rộng hơn phạm vi được công nhận: tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá

	trị sử dụng, kiểm tra xác nhận nộp bản sao Chứng chỉ công nhận kèm theo phạm vi được công nhận và các tài liệu, quy trình, các tài liệu khác liên quan để chứng minh năng lực hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 54 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP đối với phạm vi chưa được công nhận. + Trường hợp tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận chưa được công nhận: tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận nộp các tài liệu, quy trình, các tài liệu khác liên quan để chứng minh năng lực hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 54 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP. - Mẫu tuyên bố xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận * Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định: 03 ngày làm việc. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 07 ngày làm việc.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Bộ Khoa học và Công nghệ
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận (theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP)
Phí, lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Đơn đăng ký hoạt động xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận (theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP). - Tóm tắt kinh nghiệm hoạt động xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận của chuyên gia (theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 22/2026/NĐ-CP).
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính	- Là một trong các loại hình tổ chức quy định tại Điều 50 Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật. - Có hệ thống quản lý và năng lực hoạt động đáp ứng các yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17029 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17029 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế đối với xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận chuyên ngành, đặc thù và các hướng dẫn liên quan.

	- Có ít nhất 06 chuyên gia chính thức của tổ chức (viên chức hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ không xác định thời hạn), đáp ứng các điều kiện sau: + Có trình độ tốt nghiệp đại học trở lên và chuyên môn phù hợp đối với lĩnh vực xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận; + Được đào tạo kỹ năng đánh giá về xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận tương ứng theo khung chương trình đào tạo chuyên môn do Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn; Được đào tạo và cấp chứng chỉ hoàn thành khóa đào tạo về kỹ thuật xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận lĩnh vực chuyên ngành theo quy định của pháp luật chuyên ngành trong trường hợp có quy định; + Có kinh nghiệm làm việc 02 năm trở lên (kể từ thời điểm tốt nghiệp đại học) liên quan đến lĩnh vực xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận; - Tham gia ít nhất 20 ngày công thực hiện xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận. Đối với tổ chức xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận mới hoạt động, chuyên gia phải có kinh nghiệm đánh giá chứng nhận hệ thống quản lý ít nhất 20 ngày công và kinh nghiệm đánh giá chứng nhận sản phẩm ít nhất 20 ngày công.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15. - Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
THỬ NGHIỆM/GIÁM ĐỊNH/ CHỨNG NHẬN/XÁC NHẬN
GIÁ TRỊ SỬ DỤNG/KIỂM TRA XÁC NHẬN¹

Kính gửi:

1. Tên tổ chức:.....
 2. Địa chỉ liên lạc:
Điện thoại:Fax: E-mail:.....
 3. Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số.....Cơ quan cấp:.....cấp ngày..... tại.....
 4. Sau khi nghiên cứu quy định tại Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... tháng... năm ... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, chúng tôi nhận thấy có đủ các điều kiện đăng ký hoạt động.... (thử nghiệm/giám định/chứng nhận/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận) đối với lĩnh vực..... (tên lĩnh vực chuyên ngành)².
 5. Mẫu Phiếu kết quả thử nghiệm/Chứng thư giám định/Giấy chứng nhận/Tuyên bố xác nhận giá trị sử dụng/Tuyên bố kiểm tra xác nhận.
 6. Mẫu dấu chứng nhận (đối với tổ chức chứng nhận)
Đề nghị (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận) xem xét và cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động..... (thử nghiệm/giám định/chứng nhận/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận) nêu trên.
- Chúng tôi cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật trong lĩnh vực đánh giá sự phù hợp, các quy định có liên quan của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khai báo nói trên./.

LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC
(Ký tên, đóng dấu)

¹ Đề nghị đăng ký hoạt động nào thì ghi tên hoạt động đó (ví dụ, đăng ký hoạt động thử nghiệm thì ghi “Đơn đăng ký hoạt động thử nghiệm”).

² Cách ghi như sau:

- Lĩnh vực thử nghiệm (ghi tên lĩnh vực thử nghiệm: Hóa học/Sinh học/Cơ lý/Dược phẩm/Điện-điện tử/Vật liệu xây dựng/Không phá hủy/An toàn sinh học..., kèm theo tên sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm, tên phép thử). Trường hợp số liệu nhiều thì lập thành Phụ lục kèm theo.

- Lĩnh vực giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật (ghi tên sản phẩm và tiêu chuẩn của sản phẩm/quy chuẩn kỹ thuật và quy trình giám định). Trường hợp số liệu nhiều thì lập thành Phụ lục kèm theo.

- Lĩnh vực chứng nhận: Sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn (ghi tên sản phẩm và tiêu chuẩn của sản phẩm/quy chuẩn kỹ thuật (nếu có)/hệ thống quản lý (ghi tên hệ thống quản lý: TCVN ISO 9001/ISO 9001, TCVN ISO 14001/ISO 14001...). Trường hợp số liệu nhiều thì lập thành Phụ lục kèm theo.

- Lĩnh vực xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận (ghi tên lĩnh vực và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thực hiện xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận). Trường hợp số liệu nhiều thì lập thành Phụ lục kèm theo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TÓM TẮT KINH NGHIỆM HOẠT ĐỘNG GIÁM ĐỊNH/ĐÁNH GIÁ/
 XÁC NHẬN GIÁ TRỊ SỬ DỤNG/KIỂM TRA XÁC NHẬN
 CỦA GIÁM ĐỊNH VIÊN/CHUYÊN GIA**

1. Họ và tên:

Địa chỉ liên hệ:

Điện thoại: Fax:..... E-mail:

2. Kinh nghiệm trong lĩnh vực giám định/đánh giá/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận:

TT	Thời gian	Tên tổ chức, doanh nghiệp đã giám định/đánh giá/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận	Địa chỉ liên hệ, điện thoại, Fax, người đại diện của tổ chức, doanh nghiệp	Lĩnh vực giám định/đánh giá/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận ¹	Kết quả giám định/đánh giá/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận

Thông tin khác:

Tôi cam đoan các thông tin trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khai báo nói trên./.

....., ngày..... tháng năm.....

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên)

¹ Cách ghi như sau:

- Đối với hoạt động giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật, ghi tên sản phẩm và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật giám định.
 - Đối với hoạt động chứng nhận sản phẩm, ghi tên sản phẩm và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chứng nhận; đối với hoạt động chứng nhận hệ thống quản lý, ghi tên tiêu chuẩn hệ thống quản lý.
 - Đối với xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận, ghi tên lĩnh vực và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thực hiện xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận.

7. Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận

Trình tự thực hiện	Bước 1: Khi tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận bổ sung, mở rộng, thu hẹp phạm vi hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận, tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký theo hình thức dịch vụ công trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia. Cổng dịch vụ công quốc gia được kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Trường hợp Cổng dịch vụ công quốc gia bị lỗi hoặc thủ tục hành chính này chưa hoàn thiện hạ tầng Dịch vụ công trực tuyến, tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận nộp hồ sơ bản giấy theo quy định tại Nghị định này theo hình thức nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính gửi đến Bộ phận một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ. Bước 2: Bộ Khoa học và Công nghệ tiếp nhận hồ sơ, xem xét, xử lý theo quy định: - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ thông báo yêu cầu tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận sửa đổi, bổ sung; - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp thông qua cổng dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Trường hợp Cổng dịch vụ công quốc gia bị lỗi hoặc thủ tục hành chính này chưa hoàn thiện hạ tầng Dịch vụ công trực tuyến, nộp hồ sơ bản giấy theo quy định tại Nghị định số 22/2026/NĐ-CP theo hình thức nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính gửi đến Bộ phận một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ.
Thành phần, số lượng hồ sơ	* Thành phần hồ sơ: - Đơn đăng ký bổ sung, sửa đổi hoạt động xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận (theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP).

	- Các chứng chỉ, tài liệu liên quan đối với mỗi chuyên gia gồm: bản sao Quyết định tuyển dụng hoặc Hợp đồng lao động; bản sao các bằng cấp, chứng chỉ theo quy định tại khoản 3 Điều 54 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP; tóm tắt quá trình công tác, kinh nghiệm hoạt động theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP và tài liệu chứng minh kinh nghiệm hoạt động của chuyên gia. - Tài liệu chứng minh năng lực hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận bổ sung, sửa đổi đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 54 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP, cụ thể như sau: + Trường hợp tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận đã được tổ chức công nhận quy định tại Điều 58 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP hoặc tổ chức công nhận thành lập tại nước ngoài quy định tại Điều 62 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP công nhận đối với toàn bộ phạm vi đăng ký hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận: tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận nộp bản sao Chứng chỉ công nhận kèm theo phạm vi được công nhận. + Trường hợp tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận đã được tổ chức công nhận quy định tại Điều 58 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP hoặc tổ chức công nhận thành lập tại nước ngoài quy định tại Điều 62 Nghị định này công nhận nhưng phạm vi đăng ký hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận rộng hơn phạm vi được công nhận: tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận nộp bản sao Chứng chỉ công nhận kèm theo phạm vi được công nhận và các tài liệu, quy trình, các tài liệu khác liên quan để chứng minh năng lực hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 54 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP đối với phạm vi chưa được công nhận. + Trường hợp tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận chưa được công nhận: tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận nộp các tài liệu, quy trình, các tài liệu khác liên quan để chứng minh năng lực hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 54 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP. * Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định: 03 ngày làm việc. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 07 ngày làm việc.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Bộ Khoa học và Công nghệ
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận (theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP)
Phí, lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Đơn đăng ký bổ sung, sửa đổi hoạt động xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận (theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP). - Tóm tắt kinh nghiệm hoạt động xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận của chuyên gia (theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 22/2026/NĐ-CP).
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính	- Đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận. - Có hệ thống quản lý và năng lực hoạt động đáp ứng các yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17029 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17029 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế đối với xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận chuyên ngành, đặc thù và các hướng dẫn liên quan. - Có ít nhất 02 chuyên gia chính thức của tổ chức (viên chức hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ không xác định thời hạn) tương ứng với mỗi lĩnh vực xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận đăng ký bổ sung, đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3, Điều 54, Nghị định số 22/2026/NĐ-CP.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15. - Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐĂNG KÝ BỔ SUNG, SỬA ĐỔI HOẠT ĐỘNG
THỬ NGHIỆM/GIÁM ĐỊNH/CHỨNG NHẬN/XÁC NHẬN
GIÁ TRỊ SỬ DỤNG/KIỂM TRA XÁC NHẬN ¹

Kính gửi:

1. Tên tổ chức:
2. Địa chỉ liên lạc:
Điện thoại:..... Fax: E-mail:
3. Đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (thử nghiệm/giám định/chứng nhận/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận) số:..... ngày...../...../20.... của (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận).
4. Hoạt động.....(thử nghiệm/giám định/chứng nhận/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận) đề nghị bổ sung, sửa đổi (nêu cụ thể lĩnh vực đề nghị bổ sung).
5. Hồ sơ kèm theo:

.....
Đề nghị (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận) xem xét đề (tên tổ chức) được bổ sung, sửa đổi điều kiện hoạt động..... (thử nghiệm/giám định/chứng nhận/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận) đối với các lĩnh vực tương ứng.

Chúng tôi cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật trong lĩnh vực đánh giá sự phù hợp, các quy định có liên quan của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khai báo nói trên./.

LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC

(Ký tên, đóng dấu)

¹ Đề nghị bổ sung, sửa đổi hoạt động nào thì ghi tên lĩnh vực hoạt động đó (ví dụ: Đơn đề nghị bổ sung hoạt động thử nghiệm).

Cách ghi như sau:

- Lĩnh vực thử nghiệm (ghi tên lĩnh vực thử nghiệm: Hóa học/Sinh học/Cơ lý/Dược phẩm/Điện-điện tử/Vật liệu xây dựng/Không phá hủy/An toàn sinh học..., kèm theo tên sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm, tên phép thử). Trường hợp số liệu nhiều thì lập thành Phụ lục kèm theo.
- Lĩnh vực giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật (ghi tên sản phẩm và tiêu chuẩn của sản phẩm/quy chuẩn kỹ thuật và quy trình giám định). Trường hợp số liệu nhiều thì lập thành Phụ lục kèm theo.
- Lĩnh vực chứng nhận: Sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn (ghi tên sản phẩm và tiêu chuẩn của sản phẩm/quy chuẩn kỹ thuật (nếu có)/hệ thống quản lý (ghi tên hệ thống quản lý: TCVN ISO 9001/ISO 9001, TCVN ISO 14001/ISO 14001...). Trường hợp số liệu nhiều thì lập thành Phụ lục kèm theo.
- Lĩnh vực xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận (ghi tên lĩnh vực và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thực hiện xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận). Trường hợp số liệu nhiều thì lập thành Phụ lục kèm theo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TÓM TẮT KINH NGHIỆM HOẠT ĐỘNG GIÁM ĐỊNH/ĐÁNH GIÁ/
 XÁC NHẬN GIÁ TRỊ SỬ DỤNG/KIỂM TRA XÁC NHẬN
 CỦA GIÁM ĐỊNH VIÊN/CHUYÊN GIA**

1. Họ và tên:

Địa chỉ liên hệ:

Điện thoại: Fax:..... E-mail:

2. Kinh nghiệm trong lĩnh vực giám định/đánh giá/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận:

TT	Thời gian	Tên tổ chức, doanh nghiệp đã giám định/đánh giá/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận	Địa chỉ liên hệ, điện thoại, Fax, người đại diện của tổ chức, doanh nghiệp	Lĩnh vực giám định/đánh giá/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận ¹	Kết quả giám định/đánh giá/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận

Thông tin khác:

Tôi cam đoan các thông tin trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khai báo nói trên./.

....., ngày..... tháng năm.....

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên)

¹ Cách ghi như sau:

- Đối với hoạt động giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật, ghi tên sản phẩm và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật giám định.
 - Đối với hoạt động chứng nhận sản phẩm, ghi tên sản phẩm và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chứng nhận; đối với hoạt động chứng nhận hệ thống quản lý, ghi tên tiêu chuẩn hệ thống quản lý.
 - Đối với xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận, ghi tên lĩnh vực và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thực hiện xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận.

8. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận

Trình tự thực hiện	Bước 1: Trường hợp có Giấy chứng nhận còn hiệu lực nhưng thay đổi tên, địa chỉ của tổ chức hoặc Giấy chứng nhận bản giấy bị mất, hư hỏng, tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký theo hình thức dịch vụ công trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia. Cổng dịch vụ công quốc gia được kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Trường hợp Cổng dịch vụ công quốc gia bị lỗi hoặc thủ tục hành chính này chưa hoàn thiện hạ tầng Dịch vụ công trực tuyến, tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận nộp hồ sơ bản giấy theo quy định tại Nghị định này theo hình thức nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính gửi đến Bộ phận một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ. Bước 2: Bộ Khoa học và Công nghệ tiếp nhận hồ sơ, xem xét, xử lý theo quy định: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm cấp lại Giấy chứng nhận cho tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận. Trường hợp không đáp ứng yêu cầu, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo và nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp thông qua cổng dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Trường hợp Cổng dịch vụ công quốc gia bị lỗi hoặc thủ tục hành chính này chưa hoàn thiện hạ tầng Dịch vụ công trực tuyến, nộp hồ sơ bản giấy theo quy định tại Nghị định số 22/2026/NĐ-CP theo hình thức nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính gửi đến Bộ Khoa học và Công nghệ.
Thành phần, số lượng hồ sơ	* Thành phần hồ sơ: Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP. * Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	03 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ đầy đủ, hợp lệ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức thực hiện hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	Bộ Khoa học và Công nghệ
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận (theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP)
Phí, lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận (theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP).
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính	Không
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15. - Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
THỬ NGHIỆM/GIÁM ĐỊNH/CHỨNG NHẬN/XÁC NHẬN
GIÁ TRỊ SỬ DỤNG/KIỂM TRA XÁC NHẬN¹

Kính gửi:

1. Tên tổ chức:

2. Địa chỉ liên lạc:

Điện thoại:..... Fax: E-mail:

3. Đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (thử nghiệm/giám định/chứng nhận/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận) số:..... ngày....../....../20..... của (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận).

4. Lý do đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động..... (thử nghiệm/giám định/chứng nhận/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận):

.....

5. Hồ sơ kèm theo:

-

-

Đề nghị (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận) xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động..... (thử nghiệm/giám định/chứng nhận/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận) cho.... (tên tổ chức).

Chúng tôi cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật trong lĩnh vực đánh giá sự phù hợp, các quy định có liên quan của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khai báo nói trên./.

LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC
(Ký tên, đóng dấu)

¹ Đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nào thì ghi tên hoạt động đó (ví dụ: Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm).

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI CẤP TỈNH

1. Thủ tục chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2

Trình tự thực hiện	Bước 1: Tổ chức lập 01 bộ hồ sơ đề nghị chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (sau đây gọi chung là hồ sơ đề nghị chứng nhận chuẩn đo lường) gửi đến cơ quan được giao tiếp nhận hồ sơ tại tỉnh, thành phố nơi tổ chức đặt địa chỉ trụ sở chính. Bước 2: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, cấp quyết định chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, cấp quyết định chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị về lý do từ chối giải quyết hồ sơ hoặc những nội dung cần hoàn thiện. Nếu tổ chức đề nghị không hoàn thiện hồ sơ theo quy định trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày ban hành văn bản thông báo những nội dung cần hoàn thiện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện kết thúc việc giải quyết hồ sơ.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tuyến: thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh.
Thành phần, số lượng hồ sơ	* Thành phần hồ sơ: - Đề nghị chứng nhận chuẩn đo lường (theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 54/2025/TT-BKHCN). - Bản sao có xác nhận sao y bản chính của tổ chức đề nghị hoặc bản sao điện tử giấy chứng nhận hiệu chuẩn của chuẩn công tác hoặc giấy chứng nhận kết quả thử nghiệm hoặc so sánh (Certificate of analysis) của chất chuẩn đáp ứng quy định tại Điều 9 Thông tư số 54/2025/TT-BKHCN. - Ảnh chụp của chuẩn đo lường (đối với trường hợp chuẩn đo lường lần đầu tiên được đề nghị chứng nhận) bao gồm 01 ảnh tổng thể và 01 ảnh nhãn mác. Ảnh màu phải bảo đảm sắc nét, rõ ràng thông tin của chuẩn đo lường.

	* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 10 ngày làm việc Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: 07 ngày làm việc
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp, ủy quyền. - Thẩm quyền ký quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Quyết định chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 54/2025/TT-BKHCN)
Phí, lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Đề nghị chứng nhận chuẩn đo lường (theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 54/2025/TT-BKHCN)
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính	- Đối với chuẩn công tác: + Đã được hiệu chuẩn tại tổ chức hiệu chuẩn được chỉ định theo quy định; giấy chứng nhận hiệu chuẩn phải còn thời hạn giá trị; + Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật đo lường quy định tại văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam hiện hành. Đối với chất chuẩn: + Đã được thử nghiệm hoặc so sánh tại tổ chức thử nghiệm tại Việt Nam có lĩnh vực hoạt động phù hợp được chỉ định hoặc tại tổ chức thử nghiệm ở nước ngoài có lĩnh vực hoạt động phù hợp được công nhận; giấy chứng nhận kết quả thử nghiệm hoặc so sánh (Certificate of analysis) phải còn thời hạn giá trị; + Độ đồng nhất, độ ổn định và giá trị thuộc tính của chất chuẩn bảo đảm phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường quy định tại văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam hiện hành.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15; - Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; - Luật Đo lường số 04/2011/QH13 ngày 11/11/2011; - Nghị định số 36/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ và Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh

	vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 54/2025/TT-BKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.
--	--

CƠ QUAN CHỦ QUẢN (nếu có)
TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...

..., ngày ... tháng ... năm 20...

ĐỀ NGHỊ CHỨNG NHẬN CHUẨN ĐO LƯỜNG DÙNG TRỰC TIẾP ĐỂ KIỂM ĐỊNH PHƯƠNG TIỆN ĐO NHÓM 2

Kính gửi:(tên cơ quan hoặc người có thẩm quyền cấp quyết định)....

1. Tổ chức đề nghị:

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:Email.....

2. Đề nghị ...(tên cơ quan hoặc người có thẩm quyền cấp quyết định)...
chứng nhận các chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
sau đây:

TT	Tên chuẩn đo lường	Số sản xuất, năm sản xuất, hãng sản xuất, nước sản xuất	Kiểu, ký hiệu, đặc tính kỹ thuật đo lường chính	Lĩnh vực kiểm định ⁽¹⁾	Ghi chú ⁽²⁾
1.					
...					

...(Tên tổ chức)... cam kết các chuẩn đo lường nêu trên thuộc quyền sử dụng của (tên tổ chức) và hiện không phải là chuẩn đo lường được chứng nhận của tổ chức khác. ... (tên tổ chức)... cam kết không mượn, không sử dụng chung các chuẩn đo lường này với tổ chức khác và chịu trách nhiệm trước pháp luật với các nội dung đã khai trong đơn này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT;...(đơn vị soạn thảo).

NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Ghi rõ lĩnh vực kiểm định theo tên phương tiện đo nhóm 2 theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ (ví dụ: kiểm định quả cân, kiểm định cột đo xăng dầu...).

(2) Ghi rõ chuẩn đo lường là chứng nhận lần đầu, chứng nhận lại. Trường hợp chuẩn đo lường là chất chuẩn thì ghi thời hạn giá trị của giấy chứng nhận kết quả thử nghiệm hoặc so sánh chất chuẩn.

CƠ QUAN CẤP QUYẾT ĐỊNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...

..., ngày ... tháng ... năm 20...

QUYẾT ĐỊNH**Về việc chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để
kiểm định phương tiện đo nhóm 2****(LÃNH ĐẠO CƠ QUAN CẤP QUYẾT ĐỊNH)⁽¹⁾***Căn cứ ...⁽²⁾ ...;**Theo đề nghị của***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 cho ...*(Tên tổ chức)*... (địa chỉ trụ sở chính: ..., điện thoại:....) như sau⁽³⁾:

TT	Tên chuẩn đo lường	Số sản xuất/năm sản xuất/hãng sản xuất/nước sản xuất	Ký hiệu/kiểu/đặc tính kỹ thuật đo lường chính	Lĩnh vực kiểm định⁽⁴⁾	Ghi chú⁽⁵⁾
1.					
...					

Điều 2. ...*(Tên tổ chức)*... chịu trách nhiệm duy trì, bảo quản, sử dụng các chuẩn đo lường ghi tại Điều 1 theo quy định.**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực...⁽⁶⁾...và thay thế cho Quyết định số... của... (nếu có).**Điều 4.** ... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
-
- Ủy ban TCĐLCL Quốc gia (để b/c);
- Lưu: VT, ...

**LÃNH ĐẠO CƠ QUAN CẤP
QUYẾT ĐỊNH***(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)***Ghi chú:**

(1) Ghi chức danh của lãnh đạo cơ quan. Ví dụ: CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH...

(2) Căn cứ ban hành văn bản bao gồm văn bản quy định thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức ban hành văn bản và các văn bản quy định nội dung, cơ sở để ban hành văn bản. Căn cứ ban hành văn bản được ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và trích yếu nội dung văn bản (riêng Luật, Pháp lệnh chỉ ghi tên văn bản và số, ký hiệu của văn bản).

Căn cứ ban hành văn bản được trình bày bằng chữ in thường, kiểu chữ nghiêng, cỡ chữ từ 13 đến 14, trình bày dưới phần tên loại và trích yếu nội dung văn bản; sau mỗi căn cứ phải xuống dòng, cuối dòng có dấu chấm phẩy (;), dòng cuối cùng kết thúc bằng dấu chấm (.).

(3) Nội dung này có thể được trình bày dưới dạng phụ lục kèm theo.

(4) Ghi rõ lĩnh vực kiểm định theo tên phương tiện đo nhóm 2 theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ (ví dụ: kiểm định quả cân, kiểm định cột đo xăng dầu...).

(5) Ghi “Điều chỉnh” trong trường hợp điều chỉnh thông tin, đặc tính kỹ thuật đo lường chính của chuẩn đo lường đã được chứng nhận, ghi “điều chỉnh lĩnh vực kiểm định” trong trường hợp điều chỉnh tăng hoặc giảm lĩnh vực kiểm định của chuẩn đo lường.

(6) Hiệu lực của Quyết định chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 là 05 năm kể từ ngày ban hành quyết định. Cách ghi hiệu lực như sau:

- Trường hợp chuẩn đo lường được chứng nhận là chuẩn công tác: Ghi “05 năm kể từ ngày ban hành”.

- Trường hợp chuẩn đo lường được chứng nhận là chất chuẩn: Ghi “05 năm kể từ ngày ban hành”, đồng thời, ghi thời hạn hiệu lực của chất chuẩn theo thời hạn giá trị của giấy chứng nhận kết quả thử nghiệm hoặc so sánh chất chuẩn vào cột ghi chú tại phụ lục của quyết định. Trường hợp thời hạn giá trị của giấy chứng nhận kết quả thử nghiệm hoặc so sánh chất chuẩn dài hơn 05 năm thì bỏ trống cột này.

- Trường hợp điều chỉnh nội dung của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường: Quyết định này có hiệu lực đến hết ...(ghi cụ thể ngày tháng năm theo hiệu lực quyết định đã cấp)... và thay thế...(ghi rõ thông tin của của Quyết định đã cấp gồm ký hiệu, ngày tháng năm...).

Ví dụ: quyết định được ký, đóng dấu ban hành 11 tháng 6 năm 2024 thì quyết định điều chỉnh tương ứng có hiệu lực đến hết ngày 11 tháng 6 năm 2029).

2. Thủ tục điều chỉnh nội dung quyết định chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2

Trình tự thực hiện	Bước 1: Khi có nhu cầu điều chỉnh nội dung của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường đã được cấp, tổ chức đề nghị lập 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chỉnh và gửi đến cơ quan được giao tiếp nhận hồ sơ tại tỉnh, thành phố nơi tổ chức đặt địa chỉ trụ sở chính. Bước 2: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, cấp quyết định chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, cấp quyết định chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị về lý do từ chối giải quyết hồ sơ hoặc những nội dung cần hoàn thiện. - Nếu tổ chức đề nghị không hoàn thiện hồ sơ theo quy định trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày ban hành văn bản thông báo những nội dung cần hoàn thiện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện kết thúc việc giải quyết hồ sơ.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tuyến: thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh.
Thành phần, số lượng hồ sơ	* Thành phần hồ sơ: - Công văn đề nghị có nêu rõ nội dung điều chỉnh. - Bản sao (có xác nhận sao y bản chính của tổ chức đề nghị) hoặc bản sao điện tử giấy chứng nhận hiệu chuẩn của chuẩn công tác hoặc giấy chứng nhận kết quả thử nghiệm hoặc so sánh (Certificate of analysis) của chất chuẩn đáp ứng quy định tại Điều 9 Thông tư số 54/2025/TT-BKHCN và ảnh chụp của chuẩn đo lường đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều 11 Thông tư số 54/2025/TT-BKHCN (đối với trường hợp điều chỉnh thông tin của chuẩn đo lường hoặc bổ sung lĩnh vực kiểm định). - Bản sao có đóng dấu sao y của tổ chức hoặc bản sao điện tử các tài liệu, giấy tờ có liên quan đến nội dung điều chỉnh (đối với trường hợp điều chỉnh thông tin của tổ chức sau khi hợp

	nhất, sáp nhập, đổi tên, chia, tách, chuyển đổi hình thức, thay đổi địa chỉ...).
	* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 07 ngày làm việc. - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ và hợp lệ: 05 ngày làm việc.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp, ủy quyền. - Thẩm quyền ký quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh .
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Quyết định chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 (theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 54/2025/TT-BKHCN)
Phí, lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính	1. Chuẩn công tác của tổ chức đáp ứng các yêu cầu sau đây được chứng nhận là chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2: a) Đã được hiệu chuẩn tại tổ chức hiệu chuẩn được chỉ định theo quy định; giấy chứng nhận hiệu chuẩn phải còn thời hạn có giá trị; b) Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật đo lường quy định tại văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam hiện hành. 2. Chất chuẩn của tổ chức đáp ứng các yêu cầu sau đây được chứng nhận là chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2: a) Đã được thử nghiệm hoặc so sánh tại tổ chức thử nghiệm tại Việt Nam có lĩnh vực hoạt động phù hợp được chỉ định hoặc tại tổ chức thử nghiệm ở nước ngoài có lĩnh vực hoạt động phù hợp được công nhận; giấy chứng nhận kết quả thử nghiệm hoặc so sánh (Certificate of analysis) phải còn thời hạn giá trị; b) Độ đồng nhất, độ ổn định và giá trị thuộc tính của chất chuẩn bảo đảm phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường quy định tại văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam hiện hành.

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15; - Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; - Luật Đo lường số 04/2011/QH13 ngày 11/11/2011; - Nghị định số 36/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ và Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 54/2025/TT-BKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.
--	--

3. Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường

Trình tự thực hiện	Bước 1: Khi có nhu cầu hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường đã được cấp, tổ chức gửi văn bản đề nghị gửi đến cơ quan được giao tiếp nhận hồ sơ tại tỉnh, thành phố nơi tổ chức đặt địa chỉ trụ sở chính. Bước 2: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, cấp quyết định hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của tổ chức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, cấp quyết định hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tuyến: thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh.
Thành phần, số lượng hồ sơ	* Thành phần hồ sơ: Văn bản đề nghị không tiếp tục sử dụng chuẩn đo lường đã được chứng nhận để thực hiện hoạt động kiểm định. * Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	03 ngày làm việc.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp, ủy quyền. - Thẩm quyền ký quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Quyết định hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường (theo Mẫu số 10 ban hành kèm theo Phụ lục Thông tư số 54/2025/TT-BKHCN)
Phí, lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không
Yêu cầu, điều kiện thực hiện	Không

thủ tục hành chính	
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Đo lường số 04/2011/QH13 ngày 11/11/2011; - Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15; - Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; - Nghị định số 36/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ và Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 54/2025/TT-BKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.

CƠ QUAN CẤP QUYẾT ĐỊNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...

..., ngày ... tháng ... năm 20...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc hủy bỏ hiệu lực của Quyết định chứng nhận chuẩn đo lường

(LÃNH ĐẠO CƠ QUAN CẤP QUYẾT ĐỊNH)⁽¹⁾

Căn cứ ...⁽²⁾ ...;

Theo đề nghị của ...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ hiệu lực chứng nhận chuẩn đo lường tại Quyết định số ngày ... tháng ... năm của..... đã cấp cho...(tên tổ chức)... (địa chỉ trụ sở chính: ..., điện thoại: ...).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Điều 3. ... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- ...;
- Ủy ban TCĐLCL Quốc gia (để b/c);
- Lưu: VT,

**LÃNH ĐẠO CƠ QUAN
CẤP QUYẾT ĐỊNH**

(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Ghi chức danh của lãnh đạo cơ quan. Ví dụ: CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH...

(2) Căn cứ ban hành văn bản bao gồm văn bản quy định thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức ban hành văn bản và các văn bản quy định nội dung, cơ sở để ban hành văn bản. Căn cứ ban hành văn bản được ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và trích yếu nội dung văn bản (riêng Luật, Pháp lệnh chỉ ghi tên văn bản và số, ký hiệu của văn bản).

Căn cứ ban hành văn bản được trình bày bằng chữ in thường, kiểu chữ nghiêng, cỡ chữ từ 13 đến 14, trình bày dưới phần tên loại và trích yếu nội dung văn bản; sau mỗi căn cứ phải xuống dòng, cuối dòng có dấu chấm phẩy (;), dòng cuối cùng kết thúc bằng dấu chấm (.).

4. Thủ tục chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường

Trình tự thực hiện	Bước 1: Tổ chức lập 01 bộ hồ sơ đề nghị chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường gửi đến cơ quan được giao tiếp nhận hồ sơ tại tỉnh, thành phố nơi tổ chức đặt địa chỉ trụ sở chính. Bước 2: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, cấp quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, cấp quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường theo. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị về lý do từ chối giải quyết hồ sơ hoặc những nội dung cần hoàn thiện. - Nếu tổ chức đề nghị không hoàn thiện hồ sơ theo quy định trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày ban hành văn bản thông báo những nội dung cần hoàn thiện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện kết thúc việc giải quyết hồ sơ.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tuyến: thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh.
Thành phần, số lượng hồ sơ	* Thành phần hồ sơ: - Đề nghị chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường (theo Mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 54/2025/TT-BKHCN). - Bản sao có xác nhận sao y bản chính của tổ chức đề nghị hoặc bản sao điện tử giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ kiểm định viên đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư số 54/2025/TT-BKHCN. - Bản sao có xác nhận sao y bản chính của tổ chức đề nghị hoặc bản sao điện tử bằng tốt nghiệp trung cấp hoặc tương đương trở lên của nhân viên kiểm định (đối với trường hợp cá nhân lần đầu tiên được đề nghị chứng nhận, cấp thẻ) - 02 ảnh màu cỡ (2 x 3) cm, chụp trên nền trắng đảm bảo rõ nét (đối với trường hợp cá nhân lần đầu tiên được đề nghị chứng nhận, cấp thẻ). * Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Thời hạn giải quyết	Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 10 ngày làm việc Trường hợp hồ sơ không đầy đủ và hợp lệ: 07 ngày làm việc
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp, ủy quyền. - Thẩm quyền ký quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	- Quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường (theo Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 54/2025/TT-BKHCN). - Thẻ kiểm định viên đo lường (theo Mẫu số 13 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 54/2025/TT-BKHCN).
Phí, lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Đề nghị chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường (theo Mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 54/2025/TT-BKHCN).
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính	1. Tốt nghiệp trung cấp hoặc tương đương trở lên. 2. Có giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ kiểm định viên do Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia (trước đây là Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng) tổ chức thực hiện tương ứng với lĩnh vực kiểm định.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15; - Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; - Luật Đo lường số 04/2011/QH13 ngày 11/11/2011; - Nghị định số 36/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ và Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 54/2025/TT-BKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.

CƠ QUAN CHỦ QUẢN (nếu có)
TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày tháng năm 20....

ĐỀ NGHỊ CHỨNG NHẬN, CẤP THẺ KIỂM ĐỊNH VIÊN ĐO LƯỜNG

Kính gửi:(tên cơ quan hoặc người có thẩm quyền cấp quyết định)....

1. Tổ chức đề nghị:..... (tên tổ chức).....

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại: Email:.....

2. Đề nghị ...(tên cơ quan hoặc người có thẩm quyền cấp quyết định)... chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường cho các nhân viên kiểm định có tên sau đây:

TT	Họ và tên	Năm sinh	Lĩnh vực kiểm định	Ghi chú ⁽¹⁾
1				
..				

...(Tên tổ chức)... cam kết các kiểm định viên đo lường có tên trên là thuộc đơn vị, hiện không là kiểm định viên đo lường được chứng nhận, cấp thẻ ở tổ chức, đơn vị khác. ...(tên tổ chức)... chịu trách nhiệm trước pháp luật với các nội dung đã khai trong đơn này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT; ... (đơn vị soạn thảo).

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Ghi rõ là chứng nhận lần đầu hoặc chứng nhận lại.

CƠ QUAN CẤP QUYẾT ĐỊNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...

..., ngày ... tháng ... năm 20...

QUYẾT ĐỊNH**Về việc chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường****(LÃNH ĐẠO CƠ QUAN CẤP QUYẾT ĐỊNH)⁽¹⁾***Căn cứ ...⁽²⁾ ...;**Theo đề nghị của***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường cho các cá nhân thuộc ...(tên tổ chức)... (địa chỉ trụ sở chính:, điện thoại:) có tên sau⁽³⁾:

TT	Họ và tên	Năm sinh	Lĩnh vực kiểm định	Số hiệu Kiểm định viên ⁽⁴⁾	Ghi chú ⁽⁵⁾
1					
...					

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực ... và thay thế cho Quyết định số... của... (nếu có)⁽⁶⁾.**Điều 3.** ... và các kiểm định viên có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;

-

- Ủy ban TCĐLCL Quốc gia (để b/c);

- Lưu: VT, ...

**LÃNH ĐẠO CƠ QUAN CẤP
QUYẾT ĐỊNH***(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)***Ghi chú:**

(1) Ghi chức danh của lãnh đạo cơ quan. Ví dụ: CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH...

(2) Căn cứ ban hành văn bản bao gồm văn bản quy định thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức ban hành văn bản và các văn bản quy định nội dung, cơ sở để ban hành văn bản. Căn cứ ban hành văn bản được ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và trích yếu nội dung văn bản (riêng Luật, Pháp lệnh chỉ ghi tên văn bản và số, ký hiệu của văn bản).

Căn cứ ban hành văn bản được trình bày bằng chữ in thường, kiểu chữ nghiêng, cỡ chữ từ 13 đến 14, trình bày dưới phần tên loại và trích yếu nội dung văn bản; sau mỗi căn cứ phải xuống dòng, cuối dòng có dấu chấm phẩy (;), dòng cuối cùng kết thúc bằng dấu chấm (.)

(3) Nội dung này có thể được trình bày dưới dạng phụ lục kèm theo.

(4) Mỗi kiểm định viên tại tổ chức chỉ được cấp 01 số hiệu. Số hiệu kiểm định viên được đặt theo cấu trúc AAAA-BB, trong đó:

- AAAA: số thứ tự lũy tiến của số hiệu kiểm định viên.

- BB: mã số đơn vị hành chính cấp tỉnh tại Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

Ví dụ: 01 là mã số đơn vị hành chính của thành phố Hà Nội, kiểm định viên có số thứ tự thứ mười một (11) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp. Số hiệu của kiểm định viên như sau: “0011-01”

(5) Ghi “Điều chỉnh” trong trường hợp điều chỉnh thông tin kiểm định viên, ghi “điều chỉnh lĩnh vực kiểm định” trong trường hợp điều chỉnh tăng hoặc giảm lĩnh vực kiểm định của kiểm định viên.

(6) Hiệu lực của Quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường là 05 năm kể từ ngày ban hành quyết định. Cách ghi hiệu lực như sau:

- Trường hợp quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường được cấp lần đầu: Ghi “05 năm kể từ ngày ban hành”.

- Trường hợp điều chỉnh quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường: Quyết định này có hiệu lực đến hết ...(ghi cụ thể ngày tháng năm theo hiệu lực quyết định đã cấp)... và thay thế...(ghi rõ thông tin của của Quyết định đã cấp gồm ký hiệu, ngày tháng năm...).

Ví dụ: quyết định được ký, đóng dấu ban hành 11 tháng 6 năm 2024 thì quyết định điều chỉnh tương ứng có hiệu lực đến hết ngày 11 tháng 6 năm 2029).

THẺ KIỂM ĐỊNH VIÊN ĐO LƯỜNG

1. Nội dung và hình thức của thẻ

Thẻ hình chữ nhật nằm ngang, kích thước: (55 × 85) mm, nền thẻ màu xanh da trời. Hai mặt của thẻ được quy định như sau:

a) Mặt trước:

- Bên trái từ trên xuống được sắp xếp như sau
- + Góc trên cùng bên trái in chữ hoa tên cơ quan cấp quyết định;
- + Tiếp theo là ảnh của nhân viên kiểm định được cấp thẻ (ảnh theo quy định tại khoản 4 Điều 17 Thông tư số 54/2025/TT-BKHCN), góc dưới bên phải của ảnh được đóng dấu của cơ quan cấp quyết định;
- Bên phải từ trên xuống được sắp xếp như sau
- + Hàng trên in chữ hoa “CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM”;
- + Hàng dưới in chữ thường “Độc lập - Tự do - Hạnh phúc”;
- + Tiếp theo là chữ in hoa “THẺ KIỂM ĐỊNH VIÊN ĐO LƯỜNG” được in màu đỏ;
- + Phía dưới là số hiệu, họ tên, ngày tháng năm sinh, tên tổ chức kiểm định, nơi cấp, ngày cấp, ký đóng dấu của cơ quan cấp quyết định.

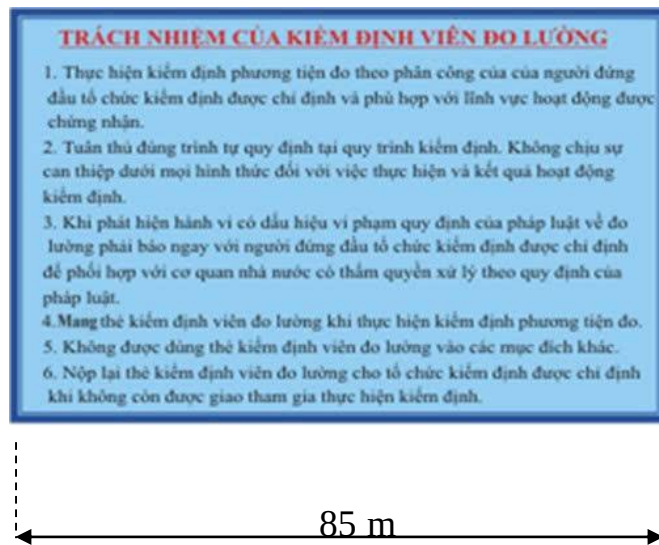
b) Mặt sau:

- Phía trên in chữ hoa “TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM ĐỊNH VIÊN ĐO LƯỜNG” được in màu đỏ;
- Phía dưới là nội dung được in màu đen, kiểu chữ thường.

2. Hình ảnh minh họa:

a) Mặt trước

b) Mặt sau



5. Thủ tục điều chỉnh nội dung quyết định chứng nhận, cấp thẻ, cấp lại thẻ kiểm định viên đo lường

Trình tự thực hiện	Bước 1: Khi có nhu cầu điều chỉnh nội dung của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường, cấp lại thẻ, tổ chức lập 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chỉnh và gửi đến cơ quan được giao tiếp nhận hồ sơ tại tỉnh, thành phố nơi tổ chức đặt địa chỉ trụ sở chính. Bước 2: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, cấp quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, cấp quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho tổ chức đề nghị về lý do từ chối giải quyết hồ sơ hoặc những nội dung cần hoàn thiện. - Nếu tổ chức đề nghị không hoàn thiện hồ sơ theo quy định trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày ban hành văn bản thông báo những nội dung cần hoàn thiện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện kết thúc việc giải quyết hồ sơ.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tuyến: thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh.
Thành phần, số lượng hồ sơ	* Thành phần hồ sơ: - Công văn đề nghị có nêu rõ lý do; - Bản sao có xác nhận sao y bản chính của tổ chức đề nghị hoặc bản sao điện tử tài liệu, giấy tờ có liên quan nội dung điều chỉnh (giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ kiểm định viên đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư số 54/2025/TT-BKHCN; bằng tốt nghiệp trung cấp hoặc tương đương trở lên của nhân viên kiểm định; giấy tờ liên quan đến việc điều chỉnh thông tin của tổ chức sau khi hợp nhất, sáp nhập, đổi tên, chia, tách, chuyển đổi hình thức, thay đổi địa chỉ...); - 02 ảnh màu cỡ (2 x 3) cm, chụp trên nền trắng, đảm bảo rõ nét (trong trường hợp đề nghị cấp lại thẻ). * Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Thời hạn giải quyết	Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 07 ngày làm việc. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ và hợp lệ: 05 ngày làm việc.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp, ủy quyền. - Thẩm quyền ký quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	- Quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường (theo Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 54/2025/TT-BKHCN). - Thẻ kiểm định viên đo lường (theo Mẫu số 13 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 54/2025/TT-BKHCN).
Phí, lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính	1. Tốt nghiệp trung cấp hoặc tương đương trở lên. 2. Có giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ kiểm định viên do Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia (trước đây là Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng) tổ chức thực hiện tương ứng với lĩnh vực kiểm định.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15; - Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; - Luật Đo lường số 04/2011/QH13 ngày 11/11/2011; - Nghị định số 36/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ và Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 54/2025/TT-BKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.

6. Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường

Trình tự thực hiện	Bước 1: Khi có nhu cầu hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường, tổ chức gửi văn bản đề nghị gửi đến cơ quan được giao tiếp nhận hồ sơ tại tỉnh, thành phố nơi tổ chức đặt địa chỉ trụ sở chính. Bước 2: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, cấp quyết định hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của tổ chức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, cấp quyết định hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tuyến: thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh.
Thành phần, số lượng hồ sơ	* Thành phần hồ sơ: Văn bản đề nghị hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường. * Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	03 ngày làm việc.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp, ủy quyền. - Thẩm quyền ký quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Quyết định hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường (theo Mẫu số 14 ban hành kèm theo Phụ lục Thông tư số 54/2025/TT-BKHCN)
Phí, lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không
Yêu cầu, điều kiện thực hiện	Không

thủ tục hành chính	
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15; - Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; - Luật Đo lường số 04/2011/QH13 ngày 11/11/2011; - Nghị định số 36/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ và Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 54/2025/TT-BKHCHN ngày 31/12/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.

CƠ QUAN CẤP QUYẾT ĐỊNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...

..., ngày ... tháng ... năm 20...

QUYẾT ĐỊNH**Về việc hủy bỏ hiệu lực của Quyết định chứng nhận,
cấp thẻ kiểm định viên đo lường****(LÃNH ĐẠO CƠ QUAN CẤP QUYẾT ĐỊNH)⁽¹⁾***Căn cứ ...⁽²⁾ ...;**Theo đề nghị của***QUYẾT ĐỊNH:**

Điều 1. Hủy bỏ hiệu lực chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường tại Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của ... đã cấp cho ...(tên tổ chức)... (địa chỉ trụ sở chính: ..., điện thoại: ...).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Điều 3. ... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
-;
- Ủy ban TCDLCL Quốc gia (để b/c);
- Lưu: VT, ...

**LÃNH ĐẠO CƠ QUAN
CẤP QUYẾT ĐỊNH***(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)***Ghi chú:**

(1) Ghi chức danh của lãnh đạo cơ quan. Ví dụ: CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH...

(2) Căn cứ ban hành văn bản bao gồm văn bản quy định thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức ban hành văn bản và các văn bản quy định nội dung, cơ sở để ban hành văn bản. Căn cứ ban hành văn bản được ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và trích yếu nội dung văn bản (riêng Luật, Pháp lệnh chỉ ghi tên văn bản và số, ký hiệu của văn bản).

Căn cứ ban hành văn bản được trình bày bằng chữ in thường, kiểu chữ nghiêng, cỡ chữ từ 13 đến 14, trình bày dưới phần tên loại và trích yếu nội dung văn bản; sau mỗi căn cứ phải xuống dòng, cuối dòng có dấu chấm phẩy (;), dòng cuối cùng kết thúc bằng dấu chấm (.).

7. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa

Trình tự thực hiện	Bước 1: Tổ chức thử nghiệm nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký theo hình thức dịch vụ công trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia. Cổng dịch vụ công quốc gia được kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Trường hợp Cổng dịch vụ công quốc gia bị lỗi hoặc thủ tục hành chính này chưa hoàn thiện hạ tầng Dịch vụ công trực tuyến, tổ chức thử nghiệm nộp hồ sơ bản giấy theo quy định tại Nghị định số 22/2026/NĐ-CP theo hình thức nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh. Bước 2: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét ký cấp mới Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa cho tổ chức thử nghiệm: - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan chuyên môn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp, ủy quyền thông báo yêu cầu tổ chức thử nghiệm sửa đổi, bổ sung. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa cho tổ chức thử nghiệm theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP. Trường hợp tổ chức thử nghiệm có địa chỉ trụ sở chính khác địa chỉ đặt phòng thử nghiệm, trong Giấy chứng nhận này phải làm rõ địa chỉ của phòng thử nghiệm. Trước khi Giấy chứng nhận hết thời hạn hiệu lực 90 ngày, nếu có nhu cầu tiếp tục tham gia hoạt động thử nghiệm, tổ chức thử nghiệm phải lập 01 bộ hồ sơ như đối với trường hợp cấp mới quy định tại khoản 2 Điều 43 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP và gửi về cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 43 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP. Trường hợp thử nghiệm viên của tổ chức thử nghiệm có hồ sơ tại các lần đăng ký cấp trước đó vẫn đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số 22/2026/NĐ-CP, tổ chức thử nghiệm có văn bản gửi kèm theo bảo lưu hồ sơ nhân sự của thử nghiệm viên, không phải nộp các chứng chỉ, tài liệu liên quan đối với mỗi thử nghiệm viên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 43 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP.
--------------------	--

Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp thông qua cổng dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Trường hợp Cổng dịch vụ công quốc gia bị lỗi hoặc thủ tục hành chính này chưa hoàn thiện hạ tầng Dịch vụ công trực tuyến, nộp hồ sơ bản giấy theo quy định tại Nghị định số 22/2026/NĐ-CP theo hình thức nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh.
Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Đơn đăng ký hoạt động thử nghiệm theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP. b) Các chứng chỉ, tài liệu liên quan đối với mỗi thử nghiệm viên gồm: bản sao Quyết định tuyển dụng hoặc Hợp đồng lao động; bản sao chứng chỉ đào tạo tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 42 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP. c) Danh sách máy móc, thiết bị, dụng cụ thử nghiệm, đo lường phục vụ hoạt động thử nghiệm đối với lĩnh vực thử nghiệm đăng ký theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP. d) Tài liệu chứng minh năng lực hoạt động thử nghiệm đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 42 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP, cụ thể như sau: - Trường hợp tổ chức thử nghiệm đã được tổ chức công nhận quy định tại Điều 58 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP hoặc tổ chức công nhận thành lập tại nước ngoài quy định tại Điều 62 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP công nhận đối với toàn bộ phạm vi đăng ký thử nghiệm: tổ chức thử nghiệm nộp bản sao Chứng chỉ công nhận kèm theo phạm vi được công nhận. - Trường hợp tổ chức thử nghiệm đã được tổ chức công nhận quy định tại Điều 58 Nghị định này hoặc tổ chức công nhận thành lập tại nước ngoài quy định tại Điều 62 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP công nhận nhưng phạm vi đăng ký hoạt động thử nghiệm rộng hơn phạm vi được công nhận: tổ chức thử nghiệm nộp bản sao Chứng chỉ công nhận kèm theo phạm vi được công nhận và bản công bố năng lực thử nghiệm phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế áp dụng trong lĩnh vực thử nghiệm chuyên ngành đối với phạm vi chưa được công nhận theo Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP. - Trường hợp tổ chức thử nghiệm chưa được công nhận:

	tổ chức thử nghiệm nộp bản công bố năng lực thử nghiệm phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế áp dụng trong lĩnh vực thử nghiệm chuyên ngành theo Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP. đ) Mẫu Phiếu kết quả thử nghiệm. * Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định: 03 ngày làm việc. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 07 ngày làm việc.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức thử nghiệm
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp, ủy quyền. - Thẩm quyền cấp giấy chứng nhận: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm (theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP)
Phí, lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Đơn đăng ký hoạt động thử nghiệm (theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP); - Danh sách máy móc, thiết bị, dụng cụ thử nghiệm, đo lường phục vụ hoạt động thử nghiệm đối với lĩnh vực thử nghiệm đăng ký (theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP); - Bản công bố năng lực thử nghiệm (theo Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP).
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính	1. Là một trong các loại hình tổ chức quy định tại Điều 50 Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật. 2. Có hệ thống quản lý và năng lực hoạt động đáp ứng các yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế áp dụng trong lĩnh vực thử nghiệm chuyên ngành. 3. Có ít nhất 06 thử nghiệm viên chính thức của tổ chức (viên chức hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động

	thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ không xác định thời hạn), đáp ứng các điều kiện sau: a) Tốt nghiệp cao đẳng trở lên với chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực thử nghiệm đăng ký; b) Được đào tạo về tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế áp dụng trong lĩnh vực thử nghiệm chuyên ngành; được đào tạo sử dụng thiết bị, phương pháp, quy trình thử nghiệm đối với lĩnh vực đăng ký. 4. Có máy móc, thiết bị, dụng cụ thử nghiệm, đo lường phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với lĩnh vực đăng ký hoạt động thử nghiệm tương ứng.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15. - Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
THỬ NGHIỆM/GIÁM ĐỊNH/ CHỨNG NHẬN/XÁC NHẬN
GIÁ TRỊ SỬ DỤNG/KIỂM TRA XÁC NHẬN¹

Kính gửi:

1. Tên tổ chức:.....
 2. Địa chỉ liên lạc:
Điện thoại:Fax: E-mail:.....
 3. Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số.....Cơ quan cấp:.....cấp ngày..... tại.....
 4. Sau khi nghiên cứu quy định tại Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày ... tháng... năm ... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, chúng tôi nhận thấy có đủ các điều kiện đăng ký hoạt động.... (thử nghiệm/giám định/chứng nhận/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận) đối với lĩnh vực..... (tên lĩnh vực chuyên ngành)².
 5. Mẫu Phiếu kết quả thử nghiệm/Chứng thư giám định/Giấy chứng nhận/Tuyên bố xác nhận giá trị sử dụng/Tuyên bố kiểm tra xác nhận.
 6. Mẫu dấu chứng nhận (đối với tổ chức chứng nhận)
Đề nghị (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận) xem xét và cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động..... (thử nghiệm/giám định/chứng nhận/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận) nêu trên.
- Chúng tôi cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật trong lĩnh vực đánh giá sự phù hợp, các quy định có liên quan của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khai báo nói trên./.

LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC
(Ký tên, đóng dấu)

¹ Đề nghị đăng ký hoạt động nào thì ghi tên hoạt động đó (ví dụ, đăng ký hoạt động thử nghiệm thì ghi “Đơn đăng ký hoạt động thử nghiệm”).

² Cách ghi như sau:

- Lĩnh vực thử nghiệm (ghi tên lĩnh vực thử nghiệm: Hóa học/Sinh học/Cơ lý/Dược phẩm/Điện-điện tử/Vật liệu xây dựng/Không phá hủy/An toàn sinh học..., kèm theo tên sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm, tên phép thử). Trường hợp số liệu nhiều thì lập thành Phụ lục kèm theo.
- Lĩnh vực giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật (ghi tên sản phẩm và tiêu chuẩn của sản phẩm/quy chuẩn kỹ thuật và quy trình giám định). Trường hợp số liệu nhiều thì lập thành Phụ lục kèm theo.
- Lĩnh vực chứng nhận: Sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn (ghi tên sản phẩm và tiêu chuẩn của sản phẩm/quy chuẩn kỹ thuật (nếu có)/hệ thống quản lý (ghi tên hệ thống quản lý: TCVN ISO 9001/ISO 9001, TCVN ISO 14001/ISO 14001...)). Trường hợp số liệu nhiều thì lập thành Phụ lục kèm theo.
- Lĩnh vực xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận (ghi tên lĩnh vực và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thực hiện xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận). Trường hợp số liệu nhiều thì lập thành Phụ lục kèm theo.

TÊN TỔ CHỨC:.....

**DANH MỤC MÁY MÓC, THIẾT BỊ, DỤNG CỤ THỬ NGHIỆM, ĐO LƯỜNG
PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM**

1. Trang thiết bị cần kiểm định/hiệu chuẩn

STT	Tên máy móc, thiết bị, dụng cụ, kiểu loại, thông số kỹ thuật chính	Số seri thiết bị	Năm sản xuất, nước sản xuất	Năm đưa vào sử dụng	Tình trạng thiết bị (ghi số GCN kiểm định/hiệu chuẩn và thời hạn kiểm định/hiệu chuẩn)	Ghi chú
1						
....						

2. Trang thiết bị khác

STT	Tên thiết bị	Số seri thiết bị	Đặc trưng kỹ thuật	Ngày đưa vào sử dụng	Ghi chú
1					
...					

3. Lĩnh vực thử, phép thử, chỉ tiêu thử nghiệm đăng ký hoạt động tương ứng với máy móc, thiết bị, dụng cụ thử nghiệm

STT	Tên máy móc, thiết bị, dụng cụ thử nghiệm	Tên lĩnh vực thử nghiệm đăng ký hoạt động ¹	Ghi chú
1			
....			

(Tên tổ chức) cam kết các nội dung khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã khai./.

....., ngày.....tháng.....năm.....

LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC
(Ký tên, đóng dấu)

¹ Lĩnh vực thử nghiệm: Ghi phạm vi lĩnh vực thử nghiệm tương ứng của thiết bị sử dụng thử nghiệm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ¹
NĂNG LỰC HỆ THỐNG QUẢN LÝ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG
THỬ NGHIỆM/GIÁM ĐỊNH/CHỨNG NHẬN VỚI CÁC YÊU CẦU CỦA
TIÊU CHUẨN QUỐC GIA..... HOẶC TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ.....

Số

Tên tổ chức:

Địa chỉ trụ sở chính:

Địa chỉ thử nghiệm (nếu là tổ chức thử nghiệm):

Điện thoại: Fax: E-mail:

CÔNG BỐ:

Năng lực hệ thống quản lý đối với hoạt động thử nghiệm/giám định/chứng nhận trong lĩnh vực²..... phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia..... hoặc tiêu chuẩn quốc tế.....

....(Tên tổ chức).... cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khai báo và công bố nêu trên./.

....., ngày.....tháng.....năm.....

LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC

(Ký tên, đóng dấu)

¹ Công bố năng lực của hệ thống quản lý chất lượng trong lĩnh vực nào thì ghi tên lĩnh vực đó và tiêu chuẩn tương ứng của lĩnh vực công bố (ví dụ: Công bố năng lực giám định thì ghi "Bản công bố năng lực giám định phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17020").

² Cách ghi như sau:

- Lĩnh vực thử nghiệm (ghi tên lĩnh vực thử nghiệm: Hóa học/Sinh học/Cơ lý/Dược phẩm/Điện-điện tử/Vật liệu xây dựng/Không phá hủy/An toàn sinh học, kèm theo tên sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm, tên phép thử) phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025. Trường hợp số liệu nhiều thì lập thành Phụ lục kèm theo.

- Lĩnh vực giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật (ghi tên sản phẩm và tiêu chuẩn của sản phẩm/quy chuẩn kỹ thuật và quy trình giám định) phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17020 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17020. Trường hợp số liệu nhiều thì lập thành Phụ lục kèm theo.

- Lĩnh vực chứng nhận: Sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn (ghi tên sản phẩm và tiêu chuẩn của sản phẩm/quy chuẩn kỹ thuật (nếu có))/hệ thống quản lý (ghi tên hệ thống quản lý: TCVN ISO 9001/ISO 9001, TCVN ISO 14001/ISO 14001....) phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17065 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17065 (đối với chứng nhận sản phẩm); phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17021 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17021 (đối với chứng nhận hệ thống quản lý). Trường hợp số liệu nhiều thì lập thành Phụ lục kèm theo.

8. Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa

Trình tự thực hiện	Bước 1: Khi có nhu cầu bổ sung, sửa đổi hoạt động thử nghiệm, tổ chức thử nghiệm nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký theo hình thức dịch vụ công trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia. Cổng dịch vụ công quốc gia được kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Trường hợp Cổng dịch vụ công quốc gia bị lỗi hoặc thủ tục hành chính này chưa hoàn thiện hạ tầng Dịch vụ công trực tuyến, tổ chức thử nghiệm nộp hồ sơ bản giấy theo quy định tại Nghị định số 22/2026/NĐ-CP theo hình thức nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh. Bước 2: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm cho tổ chức thử nghiệm: - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan chuyên môn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp, ủy quyền thông báo yêu cầu tổ chức thử nghiệm sửa đổi, bổ sung. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm cho tổ chức thử nghiệm theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP. Trường hợp tổ chức thử nghiệm có địa chỉ trụ sở chính khác địa chỉ đặt phòng thử nghiệm, trong Giấy chứng nhận này phải làm rõ địa chỉ của phòng thử nghiệm.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp thông qua cổng dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Trường hợp Cổng dịch vụ công quốc gia bị lỗi hoặc thủ tục hành chính này chưa hoàn thiện hạ tầng Dịch vụ công trực tuyến, nộp hồ sơ bản giấy theo quy định tại Nghị định số 22/2026/NĐ-CP theo hình thức nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh.
Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Đơn đăng ký bổ sung, sửa đổi hoạt động thử nghiệm theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP; b) Các chứng chỉ, tài liệu liên quan đối với mỗi thử nghiệm

	viên bổ sung, sửa đổi gồm: bản sao Quyết định tuyển dụng hoặc Hợp đồng lao động; bản sao chứng chỉ đào tạo tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 42 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP. Trường hợp thử nghiệm viên của tổ chức thử nghiệm có hồ sơ tại các lần đăng ký cấp trước đó vẫn đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số 22/2026/NĐ-CP, tổ chức thử nghiệm có văn bản gửi kèm theo bảo lưu hồ sơ nhân sự của thử nghiệm viên; c) Danh sách bổ sung, sửa đổi máy móc, thiết bị, dụng cụ thử nghiệm, đo lường phục vụ hoạt động thử nghiệm đối với lĩnh vực đăng ký theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP; d) Các tài liệu chứng minh năng lực hoạt động thử nghiệm bổ sung, sửa đổi đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 42 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP, cụ thể như sau: - Trường hợp tổ chức thử nghiệm đã được tổ chức công nhận quy định tại Điều 58 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP hoặc tổ chức công nhận thành lập tại nước ngoài quy định tại Điều 62 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP công nhận đối với toàn bộ phạm vi đăng ký thử nghiệm: tổ chức thử nghiệm nộp bản sao chứng chỉ công nhận kèm theo phạm vi được công nhận. - Trường hợp tổ chức thử nghiệm đã được tổ chức công nhận quy định tại Điều 58 Nghị định này hoặc tổ chức công nhận thành lập tại nước ngoài quy định tại Điều 62 Nghị định này công nhận nhưng phạm vi đăng ký hoạt động thử nghiệm rộng hơn phạm vi được công nhận: tổ chức thử nghiệm nộp bản sao Chứng chỉ công nhận kèm theo phạm vi được công nhận và bản công bố năng lực thử nghiệm phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế áp dụng trong lĩnh vực thử nghiệm chuyên ngành đối với phạm vi chưa được công nhận theo Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. - Trường hợp tổ chức thử nghiệm chưa được công nhận: tổ chức thử nghiệm nộp bản công bố năng lực thử nghiệm phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế áp dụng trong lĩnh vực thử nghiệm chuyên ngành theo Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP. * Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định: 03 ngày làm việc.

	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 07 ngày làm việc.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức thử nghiệm.
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp, ủy quyền. - Thẩm quyền cấp giấy chứng nhận: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận (theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP)
Phí, lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Đơn đăng ký bổ sung, sửa đổi hoạt động thử nghiệm theo (theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP); - Danh sách bổ sung, sửa đổi máy móc, thiết bị, dụng cụ thử nghiệm, đo lường phục vụ hoạt động thử nghiệm đối với lĩnh vực đăng ký (theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP); - Bản công bố năng lực chứng nhận (theo Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP).
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính	1. Đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm. 2. Có hệ thống quản lý và năng lực hoạt động đáp ứng các yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế áp dụng trong lĩnh vực thử nghiệm chuyên ngành đối với lĩnh vực đăng ký sửa đổi, bổ sung. 3. Phải có ít nhất 01 thử nghiệm viên chính thức của tổ chức (viên chức hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ không xác định thời hạn) cho từng lĩnh vực, đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 42 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP. 4. Có máy móc, thiết bị, dụng cụ thử nghiệm, đo lường phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với lĩnh vực đăng ký bổ sung, sửa đổi hoạt động thử nghiệm tương ứng.

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15. - Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.
---------------------------------------	---

TÊN TỔ CHỨC:.....**DANH MỤC MÁY MÓC, THIẾT BỊ, DỤNG CỤ THỬ NGHIỆM, ĐO LƯỜNG
PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM****1. Trang thiết bị cần kiểm định/hiệu chuẩn**

STT	Tên máy móc, thiết bị, dụng cụ, kiểu loại, thông số kỹ thuật chính	Số seri thiết bị	Năm sản xuất, nước sản xuất	Năm đưa vào sử dụng	Tình trạng thiết bị (ghi số GCN kiểm định/hiệu chuẩn và thời hạn kiểm định/hiệu chuẩn)	Ghi chú
1						
....						

2. Trang thiết bị khác

STT	Tên thiết bị	Số seri thiết bị	Đặc trưng kỹ thuật	Ngày đưa vào sử dụng	Ghi chú
1					
...					

3. Lĩnh vực thử, phép thử, chỉ tiêu thử nghiệm đăng ký hoạt động tương ứng với máy móc, thiết bị, dụng cụ thử nghiệm

STT	Tên máy móc, thiết bị, dụng cụ thử nghiệm	Tên lĩnh vực thử nghiệm đăng ký hoạt động ¹	Ghi chú
1			
....			

(Tên tổ chức) cam kết các nội dung khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã khai./.

....., ngày.....tháng.....năm.....

LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC
(Ký tên, đóng dấu)

¹ Lĩnh vực thử nghiệm: Ghi phạm vi lĩnh vực thử nghiệm tương ứng của thiết bị sử dụng thử nghiệm

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐĂNG KÝ BỔ SUNG, SỬA ĐỔI HOẠT ĐỘNG
THỬ NGHIỆM/GIÁM ĐỊNH/CHỨNG NHẬN/XÁC NHẬN
GIÁ TRỊ SỬ DỤNG/KIỂM TRA XÁC NHẬN¹

Kính gửi:

1. Tên tổ chức:
2. Địa chỉ liên lạc:
Điện thoại:..... Fax: E-mail:
3. Đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (thử nghiệm/giám định/chứng nhận/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận) số:..... ngày...../...../20.... của (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận).
4. Hoạt động.....(thử nghiệm/giám định/chứng nhận/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận) đề nghị bổ sung, sửa đổi (nêu cụ thể lĩnh vực đề nghị bổ sung).
5. Hồ sơ kèm theo:

.....
Đề nghị (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận) xem xét đề (tên tổ chức) được bổ sung, sửa đổi điều kiện hoạt động..... (thử nghiệm/giám định/chứng nhận/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận) đối với các lĩnh vực tương ứng.

Chúng tôi cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật trong lĩnh vực đánh giá sự phù hợp, các quy định có liên quan của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khai báo nói trên./.

LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC

(Ký tên, đóng dấu)

¹ Đề nghị bổ sung, sửa đổi hoạt động nào thì ghi tên lĩnh vực hoạt động đó (ví dụ: Đơn đề nghị bổ sung hoạt động thử nghiệm).

Cách ghi như sau:

- Lĩnh vực thử nghiệm (ghi tên lĩnh vực thử nghiệm: Hóa học/Sinh học/Cơ lý/Dược phẩm/Điện-điện tử/Vật liệu xây dựng/Không phá hủy/An toàn sinh học..., kèm theo tên sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm, tên phép thử). Trường hợp số liệu nhiều thì lập thành Phụ lục kèm theo.
- Lĩnh vực giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật (ghi tên sản phẩm và tiêu chuẩn của sản phẩm/quy chuẩn kỹ thuật và quy trình giám định). Trường hợp số liệu nhiều thì lập thành Phụ lục kèm theo.
- Lĩnh vực chứng nhận: Sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn (ghi tên sản phẩm và tiêu chuẩn của sản phẩm/quy chuẩn kỹ thuật (nếu có)/hệ thống quản lý (ghi tên hệ thống quản lý: TCVN ISO 9001/ISO 9001, TCVN ISO 14001/ISO 14001...). Trường hợp số liệu nhiều thì lập thành Phụ lục kèm theo.
- Lĩnh vực xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận (ghi tên lĩnh vực và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thực hiện xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận). Trường hợp số liệu nhiều thì lập thành Phụ lục kèm theo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ¹
NĂNG LỰC HỆ THỐNG QUẢN LÝ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG
THỬ NGHIỆM/GIÁM ĐỊNH/CHỨNG NHẬN VỚI CÁC YÊU CẦU CỦA
TIÊU CHUẨN QUỐC GIA..... HOẶC TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ.....

Số

Tên tổ chức:

Địa chỉ trụ sở chính:

Địa chỉ thử nghiệm (nếu là tổ chức thử nghiệm):

Điện thoại: Fax:..... E-mail:.....

CÔNG BỐ:

Năng lực hệ thống quản lý đối với hoạt động thử nghiệm/giám định/chứng nhận trong lĩnh vực²..... phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia..... hoặc tiêu chuẩn quốc tế.....

....(Tên tổ chức).... cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khai báo và công bố nêu trên./.

....., ngày.....tháng.....năm.....

LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC

(Ký tên, đóng dấu)

¹ Công bố năng lực của hệ thống quản lý chất lượng trong lĩnh vực nào thì ghi tên lĩnh vực đó và tiêu chuẩn tương ứng của lĩnh vực công bố (ví dụ: Công bố năng lực giám định thì ghi "Bản công bố năng lực giám định phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17020").

² Cách ghi như sau:

- Lĩnh vực thử nghiệm (ghi tên lĩnh vực thử nghiệm: Hóa học/Sinh học/Cơ lý/Dược phẩm/Điện-điện tử/Vật liệu xây dựng/Không phá hủy/An toàn sinh học, kèm theo tên sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm, tên phép thử) phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025. Trường hợp số liệu nhiều thì lập thành Phụ lục kèm theo.

- Lĩnh vực giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật (ghi tên sản phẩm và tiêu chuẩn của sản phẩm/quy chuẩn kỹ thuật và quy trình giám định) phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17020 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17020. Trường hợp số liệu nhiều thì lập thành Phụ lục kèm theo.

- Lĩnh vực chứng nhận: Sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn (ghi tên sản phẩm và tiêu chuẩn của sản phẩm/quy chuẩn kỹ thuật (nếu có))/hệ thống quản lý (ghi tên hệ thống quản lý: TCVN ISO 9001/ISO 9001, TCVN ISO 14001/ISO 14001....) phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17065 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17065 (đối với chứng nhận sản phẩm); phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17021 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17021 (đối với chứng nhận hệ thống quản lý). Trường hợp số liệu nhiều thì lập thành Phụ lục kèm theo.

9. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa

Trình tự thực hiện	Bước 1: Khi tổ chức thử nghiệm có Giấy chứng nhận còn hiệu lực nhưng thay đổi tên, địa chỉ của tổ chức hoặc Giấy chứng nhận bản giấy bị mất, hư hỏng, tổ chức thử nghiệm nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký theo hình thức dịch vụ công trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia. Cổng dịch vụ công quốc gia được kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Trường hợp Cổng dịch vụ công quốc gia bị lỗi hoặc thủ tục hành chính này chưa hoàn thiện hạ tầng Dịch vụ công trực tuyến, tổ chức thử nghiệm nộp hồ sơ bản giấy theo quy định tại Nghị định số 22/2026/NĐ-CP theo hình thức nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh. Bước 2: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét ký cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm cho tổ chức thử nghiệm. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét ký cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm cho tổ chức thử nghiệm. Trường hợp không đáp ứng yêu cầu, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo và nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp thông qua cổng dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Trường hợp Cổng dịch vụ công quốc gia bị lỗi hoặc thủ tục hành chính này chưa hoàn thiện hạ tầng Dịch vụ công trực tuyến, nộp hồ sơ bản giấy theo quy định tại Nghị định số 22/2026/NĐ-CP theo hình thức nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh..
Thành phần, số lượng hồ sơ	* Thành phần hồ sơ: Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP * Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức thử nghiệm

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp, ủy quyền. - Thẩm quyền cấp giấy chứng nhận: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm (theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP)
Phí, lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Đơn đề nghị cấp lại giấy đăng ký hoạt động thử nghiệm (theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP)
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính	Không
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15. - Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
THỬ NGHIỆM/GIÁM ĐỊNH/CHỨNG NHẬN/XÁC NHẬN
GIÁ TRỊ SỬ DỤNG/KIỂM TRA XÁC NHẬN¹

Kính gửi:

1. Tên tổ chức:

2. Địa chỉ liên lạc:

Điện thoại:..... Fax: E-mail:

3. Đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (thử nghiệm/giám định/chứng nhận/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận) số:..... ngày....../....../20.... của (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận).

4. Lý do đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động..... (thử nghiệm/giám định/chứng nhận/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận):

.....

5. Hồ sơ kèm theo:

-

-

Đề nghị (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận) xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động..... (thử nghiệm/giám định/chứng nhận/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận) cho.... (tên tổ chức).

Chúng tôi cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật trong lĩnh vực đánh giá sự phù hợp, các quy định có liên quan của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khai báo nói trên./.

LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC
(Ký tên, đóng dấu)

¹ Đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nào thì ghi tên hoạt động đó (ví dụ: Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm).

10. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật

Trình tự thực hiện	Bước 1: Tổ chức giám định nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký theo hình thức dịch vụ công trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia. Cổng dịch vụ công quốc gia được kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Trường hợp Cổng dịch vụ công quốc gia bị lỗi hoặc thủ tục hành chính này chưa hoàn thiện hạ tầng Dịch vụ công trực tuyến, tổ chức giám định nộp hồ sơ bản giấy theo quy định tại Nghị định số 22/2026/NĐ-CP theo hình thức nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh. Bước 2: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét ký cấp mới Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định cho tổ chức giám định: - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan chuyên môn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp, ủy quyền thông báo yêu cầu tổ chức giám định sửa đổi, bổ sung. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét ký cấp mới Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định cho tổ chức giám định theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP. Trước khi Giấy chứng nhận hết thời hạn hiệu lực 90 ngày, nếu có nhu cầu tiếp tục tham gia hoạt động giám định, tổ chức giám định phải lập 01 bộ hồ sơ như đối với trường hợp cấp mới quy định tại khoản 2 Điều 47 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP và gửi về cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 47 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP. Trường hợp giám định viên của tổ chức giám định có hồ sơ tại các lần đăng ký cấp trước đó vẫn đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số 22/2026/NĐ-CP, tổ chức giám định có văn bản gửi kèm theo bảo lưu hồ sơ nhân sự của giám định viên, không phải nộp các chứng chỉ, tài liệu liên quan đối với mỗi giám định viên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 47 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp thông qua cổng dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).

	- Trường hợp Công dịch vụ công quốc gia bị lỗi hoặc thủ tục hành chính này chưa hoàn thiện hạ tầng Dịch vụ công trực tuyến, nộp hồ sơ bản giấy theo quy định tại Nghị định số 22/2026/NĐ-CP theo hình thức nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh.
Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Đơn đăng ký hoạt động giám định theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP; b) Các chứng chỉ, tài liệu liên quan đối với mỗi giám định viên gồm: bản sao Quyết định tuyển dụng hoặc Hợp đồng lao động; bản sao các bằng cấp, chứng chỉ theo quy định tại khoản 3 Điều 46 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP; tóm tắt kinh nghiệm hoạt động giám định theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP và tài liệu chứng minh kinh nghiệm giám định của giám định viên; c) Tài liệu chứng minh năng lực hoạt động giám định đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 46 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP, cụ thể như sau: - Trường hợp tổ chức giám định đã được tổ chức công nhận quy định tại Điều 58 Nghị định này hoặc tổ chức công nhận thành lập tại nước ngoài quy định tại Điều 62 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP công nhận đối với toàn bộ phạm vi đăng ký giám định: tổ chức giám định nộp bản sao Chứng chỉ công nhận kèm theo phạm vi được công nhận; - Trường hợp tổ chức giám định đã được tổ chức công nhận quy định tại Điều 58 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP hoặc tổ chức công nhận thành lập tại nước ngoài quy định tại Điều 62 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP công nhận nhưng phạm vi đăng ký hoạt động giám định rộng hơn phạm vi được công nhận: tổ chức giám định nộp bản sao Chứng chỉ công nhận kèm theo phạm vi được công nhận và bản công bố năng lực giám định phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17020 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17020 đối với phạm vi chưa được công nhận theo Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP. - Trường hợp tổ chức giám định chưa được công nhận: tổ chức giám định nộp bản công bố năng lực giám định phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17020 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17020 theo Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP. d) Mẫu chứng thư giám định.

Thời hạn giải quyết	- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định: 03 ngày làm việc. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 07 ngày làm việc.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức giám định
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp, ủy quyền. - Thẩm quyền cấp giấy chứng nhận: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định (theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP)
Phí, lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Đơn đăng ký hoạt động giám định (theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP); - Tóm tắt kinh nghiệm hoạt động giám định (theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP); - Bản công bố năng lực giám định (theo Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP).
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính	1. Là một trong các loại hình tổ chức quy định tại Điều 50 Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật. 2. Có hệ thống quản lý và năng lực hoạt động đáp ứng các yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17020 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17020 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế áp dụng trong lĩnh vực giám định chuyên ngành. 3. Có ít nhất 06 giám định viên chính thức của tổ chức (viên chức hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ không xác định thời hạn), đáp ứng điều kiện: a) Có trình độ tốt nghiệp cao đẳng trở lên và chuyên môn phù hợp đối với sản phẩm, hàng hóa giám định; b) Được đào tạo về tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17020 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17020 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế áp dụng trong lĩnh vực giám định chuyên ngành; c) Có kinh nghiệm ít nhất 02 năm trực tiếp thực hiện giám

	định đối tượng phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, với tối thiểu 20 cuộc giám định đã được xác nhận bởi tổ chức giám định.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15. - Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
THỬ NGHIỆM/GIÁM ĐỊNH/ CHỨNG NHẬN/XÁC NHẬN
GIÁ TRỊ SỬ DỤNG/KIỂM TRA XÁC NHẬN¹

Kính gửi:

1. Tên tổ chức:.....

2. Địa chỉ liên lạc:

Điện thoại:Fax: E-mail:.....

3. Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số.....Cơ quan cấp:.....cấp ngày..... tại.....

4. Sau khi nghiên cứu quy định tại Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày ... tháng... năm ... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, chúng tôi nhận thấy có đủ các điều kiện đăng ký hoạt động.... (thử nghiệm/giám định/chứng nhận/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận) đối với lĩnh vực..... (tên lĩnh vực chuyên ngành)².

5. Mẫu Phiếu kết quả thử nghiệm/Chứng thư giám định/Giấy chứng nhận/Tuyên bố xác nhận giá trị sử dụng/Tuyên bố kiểm tra xác nhận.

6. Mẫu dấu chứng nhận (đối với tổ chức chứng nhận)

Đề nghị (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận) xem xét và cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động..... (thử nghiệm/giám định/chứng nhận/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận) nêu trên.

Chúng tôi cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật trong lĩnh vực đánh giá sự phù hợp, các quy định có liên quan của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khai báo nói trên./.

LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC
(Ký tên, đóng dấu)

¹ Đề nghị đăng ký hoạt động nào thì ghi tên hoạt động đó (ví dụ, đăng ký hoạt động thử nghiệm thì ghi “Đơn đăng ký hoạt động thử nghiệm”).

² Cách ghi như sau:

- Lĩnh vực thử nghiệm (ghi tên lĩnh vực thử nghiệm: Hóa học/Sinh học/Cơ lý/Dược phẩm/Điện-điện tử/Vật liệu xây dựng/Không phá hủy/An toàn sinh học..., kèm theo tên sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm, tên phép thử). Trường hợp số liệu nhiều thì lập thành Phụ lục kèm theo.

- Lĩnh vực giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật (ghi tên sản phẩm và tiêu chuẩn của sản phẩm/quy chuẩn kỹ thuật và quy trình giám định). Trường hợp số liệu nhiều thì lập thành Phụ lục kèm theo.

- Lĩnh vực chứng nhận: Sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn (ghi tên sản phẩm và tiêu chuẩn của sản phẩm/quy chuẩn kỹ thuật (nếu có)/hệ thống quản lý (ghi tên hệ thống quản lý: TCVN ISO 9001/ISO 9001, TCVN ISO 14001/ISO 14001...). Trường hợp số liệu nhiều thì lập thành Phụ lục kèm theo.

- Lĩnh vực xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận (ghi tên lĩnh vực và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thực hiện xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận). Trường hợp số liệu nhiều thì lập thành Phụ lục kèm theo.

Mẫu số 03

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TÓM TẮT KINH NGHIỆM HOẠT ĐỘNG GIÁM ĐỊNH/ĐÁNH GIÁ/XÁC
 NHẬN GIÁ TRỊ SỬ DỤNG/KIỂM TRA XÁC NHẬN CỦA GIÁM ĐỊNH
 VIÊN/CHUYÊN GIA**

1. Họ và tên:

Địa chỉ liên hệ:

Điện thoại: Fax:..... E-mail:

2. Kinh nghiệm trong lĩnh vực giám định/đánh giá/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận:

TT	Thời gian	Tên tổ chức, doanh nghiệp đã giám định/đánh giá/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận	Địa chỉ liên hệ, điện thoại, Fax, người đại diện của tổ chức, doanh nghiệp	Lĩnh vực giám định/đánh giá/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận ¹	Kết quả giám định/đánh giá/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận

Thông tin khác:

Tôi cam đoan các thông tin trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khai báo nói trên./.

....., ngày..... tháng năm.....

NGƯỜI KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên)

¹ Cách ghi như sau:

- Đối với hoạt động giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật, ghi tên sản phẩm và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật giám định.
- Đối với hoạt động chứng nhận sản phẩm, ghi tên sản phẩm và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chứng nhận; đối với hoạt động chứng nhận hệ thống quản lý, ghi tên tiêu chuẩn hệ thống quản lý.
- Đối với xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận, ghi tên lĩnh vực và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thực hiện xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ¹
NĂNG LỰC HỆ THỐNG QUẢN LÝ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG
THỬ NGHIỆM/GIÁM ĐỊNH/CHỨNG NHẬN VỚI CÁC YÊU CẦU CỦA
TIÊU CHUẨN QUỐC GIA..... HOẶC TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ.....

Số

Tên tổ chức:

Địa chỉ trụ sở chính:

Địa chỉ thử nghiệm (nếu là tổ chức thử nghiệm):

Điện thoại: Fax: E-mail:

CÔNG BỐ:

Năng lực hệ thống quản lý đối với hoạt động thử nghiệm/giám định/chứng nhận trong lĩnh vực²..... phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia..... hoặc tiêu chuẩn quốc tế.....

....(Tên tổ chức).... cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khai báo và công bố nêu trên./.

....., ngày.....tháng.....năm.....

LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC

(Ký tên, đóng dấu)

¹ Công bố năng lực của hệ thống quản lý chất lượng trong lĩnh vực nào thì ghi tên lĩnh vực đó và tiêu chuẩn tương ứng của lĩnh vực công bố (ví dụ: Công bố năng lực giám định thì ghi "Bản công bố năng lực giám định phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17020").

² Cách ghi như sau:

- Lĩnh vực thử nghiệm (ghi tên lĩnh vực thử nghiệm: Hóa học/Sinh học/Cơ lý/Dược phẩm/Điện-điện tử/Vật liệu xây dựng/Không phá hủy/An toàn sinh học, kèm theo tên sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm, tên phép thử) phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025. Trường hợp số liệu nhiều thì lập thành Phụ lục kèm theo.

- Lĩnh vực giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật (ghi tên sản phẩm và tiêu chuẩn của sản phẩm/quy chuẩn kỹ thuật và quy trình giám định) phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17020 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17020. Trường hợp số liệu nhiều thì lập thành Phụ lục kèm theo.

- Lĩnh vực chứng nhận: Sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn (ghi tên sản phẩm và tiêu chuẩn của sản phẩm/quy chuẩn kỹ thuật (nếu có))/hệ thống quản lý (ghi tên hệ thống quản lý: TCVN ISO 9001/ISO 9001, TCVN ISO 14001/ISO 14001....) phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17065 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17065 (đối với chứng nhận sản phẩm); phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17021 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17021 (đối với chứng nhận hệ thống quản lý). Trường hợp số liệu nhiều thì lập thành Phụ lục kèm theo.

11. Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật

Trình tự thực hiện	Bước 1: Trường hợp bổ sung, mở rộng, thu hẹp phạm vi hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa, tổ chức giám định nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký theo hình thức dịch vụ công trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia. Cổng dịch vụ công quốc gia được kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Trường hợp Cổng dịch vụ công quốc gia bị lỗi hoặc thủ tục hành chính này chưa hoàn thiện hạ tầng Dịch vụ công trực tuyến, tổ chức giám định nộp hồ sơ bản giấy theo quy định tại Nghị định này theo hình thức nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh. Bước 2: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định cho tổ chức giám định: - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan chuyên môn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp, ủy quyền thông báo yêu cầu tổ chức giám định sửa đổi, bổ sung. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định cho tổ chức giám định theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp thông qua cổng dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Trường hợp Cổng dịch vụ công quốc gia bị lỗi hoặc thủ tục hành chính này chưa hoàn thiện hạ tầng Dịch vụ công trực tuyến, nộp hồ sơ bản giấy theo quy định tại Nghị định số 22/2026/NĐ-CP theo hình thức nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh.
Thành phần, số lượng hồ sơ	* Thành phần hồ sơ: a) Đơn đăng ký bổ sung, sửa đổi hoạt động giám định theo Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP; b) Các chứng chỉ, tài liệu liên quan đối với mỗi giám định viên bổ sung, sửa đổi gồm: bản sao Quyết định tuyển dụng

	hoặc Hợp đồng lao động; bản sao các bằng cấp, chứng chỉ theo quy định tại các khoản 3 Điều 46 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP; tóm tắt kinh nghiệm hoạt động giám định theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP và tài liệu chứng minh kinh nghiệm giám định của giám định viên. Trường hợp giám định viên của tổ chức giám định có hồ sơ tại các lần đăng ký cấp trước đó vẫn đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số 22/2026/NĐ-CP, tổ chức giám định có văn bản gửi kèm theo bảo lưu hồ sơ nhân sự của giám định viên; c) Tài liệu chứng minh năng lực hoạt động giám định đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 46 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP, cụ thể như sau: - Trường hợp tổ chức giám định đã được tổ chức công nhận quy định tại Điều 58 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP hoặc tổ chức công nhận thành lập tại nước ngoài quy định tại Điều 62 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP công nhận đối với toàn bộ phạm vi đăng ký giám định: tổ chức giám định nộp bản sao Chứng chỉ công nhận kèm theo phạm vi được công nhận. - Trường hợp tổ chức giám định đã được tổ chức công nhận quy định tại Điều 58 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP hoặc tổ chức công nhận thành lập tại nước ngoài quy định tại Điều 62 Nghị định này công nhận nhưng phạm vi đăng ký hoạt động giám định rộng hơn phạm vi được công nhận: tổ chức giám định nộp bản sao Chứng chỉ công nhận kèm theo phạm vi được công nhận và bản công bố năng lực giám định phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17020 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17020 đối với phạm vi chưa được công nhận theo Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP. - Trường hợp tổ chức giám định chưa được công nhận: tổ chức giám định nộp bản công bố năng lực giám định phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17020 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17020 theo Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP. * Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định: 03 ngày làm việc. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 07 ngày làm việc.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức giám định.

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp, ủy quyền. - Thẩm quyền cấp giấy chứng nhận: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định (theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP)
Phí, lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Đơn đăng ký hoạt động giám định (theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP); - Tóm tắt kinh nghiệm hoạt động giám định (theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP); - Bản công bố năng lực giám định (theo Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP).
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính	1. Đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định. 2. Có hệ thống quản lý và năng lực hoạt động đáp ứng các yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17020 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17020 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế áp dụng trong lĩnh vực giám định chuyên ngành đối với lĩnh vực đăng ký sửa đổi, bổ sung. 3. Có ít nhất 02 giám định viên chính thức của tổ chức (viên chức hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ không xác định thời hạn) đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 46 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15. - Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐĂNG KÝ BỔ SUNG, SỬA ĐỔI HOẠT ĐỘNG
THỬ NGHIỆM/GIÁM ĐỊNH/CHỨNG NHẬN/XÁC NHẬN
GIÁ TRỊ SỬ DỤNG/KIỂM TRA XÁC NHẬN¹

Kính gửi:

1. Tên tổ chức:
2. Địa chỉ liên lạc:
Điện thoại:..... Fax: E-mail:
3. Đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (thử nghiệm/giám định/chứng nhận/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận) số:..... ngày...../...../20.... của (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận).
4. Hoạt động.....(thử nghiệm/giám định/chứng nhận/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận) đề nghị bổ sung, sửa đổi (nêu cụ thể lĩnh vực đề nghị bổ sung).
5. Hồ sơ kèm theo:

.....
Đề nghị (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận) xem xét đề (tên tổ chức) được bổ sung, sửa đổi điều kiện hoạt động..... (thử nghiệm/giám định/chứng nhận/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận) đối với các lĩnh vực tương ứng.

Chúng tôi cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật trong lĩnh vực đánh giá sự phù hợp, các quy định có liên quan của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khai báo nói trên./.

LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC

(Ký tên, đóng dấu)

¹ Đề nghị bổ sung, sửa đổi hoạt động nào thì ghi tên lĩnh vực hoạt động đó (ví dụ: Đơn đề nghị bổ sung hoạt động thử nghiệm).

Cách ghi như sau:

- Lĩnh vực thử nghiệm (ghi tên lĩnh vực thử nghiệm: Hóa học/Sinh học/Cơ lý/Dược phẩm/Điện-điện tử/Vật liệu xây dựng/Không phá hủy/An toàn sinh học..., kèm theo tên sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm, tên phép thử). Trường hợp số liệu nhiều thì lập thành Phụ lục kèm theo.
- Lĩnh vực giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật (ghi tên sản phẩm và tiêu chuẩn của sản phẩm/quy chuẩn kỹ thuật và quy trình giám định). Trường hợp số liệu nhiều thì lập thành Phụ lục kèm theo.
- Lĩnh vực chứng nhận: Sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn (ghi tên sản phẩm và tiêu chuẩn của sản phẩm/quy chuẩn kỹ thuật (nếu có)/hệ thống quản lý (ghi tên hệ thống quản lý: TCVN ISO 9001/ISO 9001, TCVN ISO 14001/ISO 14001...). Trường hợp số liệu nhiều thì lập thành Phụ lục kèm theo.
- Lĩnh vực xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận (ghi tên lĩnh vực và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thực hiện xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận). Trường hợp số liệu nhiều thì lập thành Phụ lục kèm theo.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TÓM TẮT KINH NGHIỆM HOẠT ĐỘNG GIÁM ĐỊNH/ĐÁNH GIÁ/XÁC
NHẬN GIÁ TRỊ SỬ DỤNG/KIỂM TRA XÁC NHẬN CỦA GIÁM ĐỊNH
VIÊN/CHUYÊN GIA**

1. Họ và tên:

Địa chỉ liên hệ:

Điện thoại: Fax:..... E-mail:

2. Kinh nghiệm trong lĩnh vực giám định/đánh giá/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận:

TT	Thời gian	Tên tổ chức, doanh nghiệp đã giám định/đánh giá/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận	Địa chỉ liên hệ, điện thoại, Fax, người đại diện của tổ chức, doanh nghiệp	Lĩnh vực giám định/đánh giá/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận ¹	Kết quả giám định/đánh giá/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận

Thông tin khác:

Tôi cam đoan các thông tin trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khai báo nói trên./.

....., ngày..... tháng năm.....

NGƯỜI KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên)

¹ Cách ghi như sau:

- Đối với hoạt động giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật, ghi tên sản phẩm và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật giám định.
- Đối với hoạt động chứng nhận sản phẩm, ghi tên sản phẩm và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chứng nhận; đối với hoạt động chứng nhận hệ thống quản lý, ghi tên tiêu chuẩn hệ thống quản lý.
- Đối với xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận, ghi tên lĩnh vực và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thực hiện xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ¹
NĂNG LỰC HỆ THỐNG QUẢN LÝ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG
THỬ NGHIỆM/GIÁM ĐỊNH/CHỨNG NHẬN VỚI CÁC YÊU CẦU CỦA
TIÊU CHUẨN QUỐC GIA..... HOẶC TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ.....

Số

Tên tổ chức:

Địa chỉ trụ sở chính:

Địa chỉ thử nghiệm (nếu là tổ chức thử nghiệm):

Điện thoại: Fax: E-mail:

CÔNG BỐ:

Năng lực hệ thống quản lý đối với hoạt động thử nghiệm/giám định/chứng nhận trong lĩnh vực²..... phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia..... hoặc tiêu chuẩn quốc tế.....

....(Tên tổ chức).... cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khai báo và công bố nêu trên./.

....., ngày.....tháng.....năm.....

LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC

(Ký tên, đóng dấu)

¹ Công bố năng lực của hệ thống quản lý chất lượng trong lĩnh vực nào thì ghi tên lĩnh vực đó và tiêu chuẩn tương ứng của lĩnh vực công bố (ví dụ: Công bố năng lực giám định thì ghi "Bản công bố năng lực giám định phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17020").

² Cách ghi như sau:

- Lĩnh vực thử nghiệm (ghi tên lĩnh vực thử nghiệm: Hóa học/Sinh học/Cơ lý/Dược phẩm/Điện-điện tử/Vật liệu xây dựng/Không phá hủy/An toàn sinh học, kèm theo tên sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm, tên phép thử) phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025. Trường hợp số liệu nhiều thì lập thành Phụ lục kèm theo.

- Lĩnh vực giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật (ghi tên sản phẩm và tiêu chuẩn của sản phẩm/quy chuẩn kỹ thuật và quy trình giám định) phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17020 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17020. Trường hợp số liệu nhiều thì lập thành Phụ lục kèm theo.

- Lĩnh vực chứng nhận: Sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn (ghi tên sản phẩm và tiêu chuẩn của sản phẩm/quy chuẩn kỹ thuật (nếu có))/hệ thống quản lý (ghi tên hệ thống quản lý: TCVN ISO 9001/ISO 9001, TCVN ISO 14001/ISO 14001....) phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17065 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17065 (đối với chứng nhận sản phẩm); phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17021 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17021 (đối với chứng nhận hệ thống quản lý). Trường hợp số liệu nhiều thì lập thành Phụ lục kèm theo.

12. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật

Trình tự thực hiện	Bước 1: Khi tổ chức giám định có Giấy chứng nhận còn hiệu lực nhưng thay đổi tên, địa chỉ của tổ chức hoặc Giấy chứng nhận bản giấy bị mất, hư hỏng, trong thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận, tổ chức giám định có nhu cầu đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận, tổ chức giám định nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký theo hình thức dịch vụ công trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia. Cổng dịch vụ công quốc gia được kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Trường hợp Cổng dịch vụ công quốc gia bị lỗi hoặc thủ tục hành chính này chưa hoàn thiện hạ tầng Dịch vụ công trực tuyến, tổ chức giám định nộp hồ sơ bản giấy theo quy định tại Nghị định số 22/2026/NĐ-CP theo hình thức nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh. Bước 2: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét ký cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định cho tổ chức giám định. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét ký cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định cho tổ chức giám định. Trường hợp không đáp ứng yêu cầu, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo và nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp thông qua cổng dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Trường hợp Cổng dịch vụ công quốc gia bị lỗi hoặc thủ tục hành chính này chưa hoàn thiện hạ tầng Dịch vụ công trực tuyến, nộp hồ sơ bản giấy theo quy định tại Nghị định số 22/2026/NĐ-CP theo hình thức nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh.
Thành phần, số lượng hồ sơ	* Thành phần hồ sơ: Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP * Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức giám định
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp, ủy quyền. - Thẩm quyền cấp giấy chứng nhận: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định (theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP)
Phí, lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Đơn đề nghị cấp lại giấy đăng ký hoạt động giám định (theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP)
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính	Không
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15. - Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
THỬ NGHIỆM/GIÁM ĐỊNH/CHỨNG NHẬN/XÁC NHẬN
GIÁ TRỊ SỬ DỤNG/KIỂM TRA XÁC NHẬN¹

Kính gửi:

1. Tên tổ chức:

2. Địa chỉ liên lạc:

Điện thoại:..... Fax: E-mail:

3. Đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (thử nghiệm/giám định/chứng nhận/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận) số:..... ngày.../.../20.... của (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận).

4. Lý do đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động..... (thử nghiệm/giám định/chứng nhận/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận):

.....

5. Hồ sơ kèm theo:

-

-

Đề nghị (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận) xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động..... (thử nghiệm/giám định/chứng nhận/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận) cho.... (tên tổ chức).

Chúng tôi cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật trong lĩnh vực đánh giá sự phù hợp, các quy định có liên quan của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khai báo nói trên./.

LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC
(Ký tên, đóng dấu)

¹ Đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nào thì ghi tên hoạt động đó (ví dụ: Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm).

13. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý

Trình tự thực hiện	Bước 1: Tổ chức chứng nhận nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký theo hình thức dịch vụ công trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia. Cổng dịch vụ công quốc gia được kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Trường hợp Cổng dịch vụ công quốc gia bị lỗi hoặc thủ tục hành chính này chưa hoàn thiện hạ tầng Dịch vụ công trực tuyến, tổ chức chứng nhận nộp hồ sơ bản giấy theo quy định tại Nghị định số 22/2026/NĐ-CP theo hình thức nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh. Bước 2: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét ký cấp mới Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận cho tổ chức chứng nhận: - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan chuyên môn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp, ủy quyền thông báo yêu cầu tổ chức chứng nhận sửa đổi, bổ sung. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét ký cấp mới Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận cho tổ chức chứng nhận theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP. Trước khi Giấy chứng nhận hết thời hạn hiệu lực 90 ngày, nếu có nhu cầu tiếp tục tham gia hoạt động chứng nhận, tổ chức chứng nhận phải lập 01 bộ hồ sơ như đối với trường hợp cấp mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP và gửi về cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP. Trường hợp chuyên gia đánh giá của tổ chức chứng nhận có hồ sơ tại các lần đăng ký cấp trước đó vẫn đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số 22/2026/NĐ-CP, tổ chức chứng nhận có văn bản gửi kèm theo bảo lưu hồ sơ nhân sự của chuyên gia đánh giá, không phải nộp các chứng chỉ, tài liệu liên quan đối với mỗi chuyên gia đánh giá theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 51 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp thông qua cổng dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).

	- Trường hợp Công dịch vụ công quốc gia bị lỗi hoặc thủ tục hành chính này chưa hoàn thiện hạ tầng Dịch vụ công trực tuyến, nộp hồ sơ bản giấy theo quy định tại Nghị định số 22/2026/NĐ-CP theo hình thức nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh.
Thành phần, số lượng hồ sơ	* Thành phần hồ sơ: a) Đơn đăng ký hoạt động chứng nhận theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP; b) Các chứng chỉ, tài liệu liên quan đối với mỗi chuyên gia gồm: bản sao Quyết định tuyển dụng hoặc Hợp đồng lao động; bản sao các bằng cấp, chứng chỉ theo quy định tại các khoản 3 Điều 50 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP; tóm tắt kinh nghiệm hoạt động đánh giá theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP và tài liệu chứng minh kinh nghiệm hoạt động đánh giá của chuyên gia đánh giá; c) Tài liệu chứng minh năng lực hoạt động chứng nhận đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 50 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP, cụ thể như sau: - Trường hợp tổ chức chứng nhận đã được tổ chức công nhận quy định tại Điều 58 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP hoặc tổ chức công nhận thành lập tại nước ngoài quy định tại Điều 62 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP công nhận đối với toàn bộ phạm vi đăng ký chứng nhận: tổ chức chứng nhận nộp bản sao Chứng chỉ công nhận kèm theo phạm vi được công nhận. - Trường hợp tổ chức chứng nhận đã được tổ chức công nhận quy định tại Điều 58 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP hoặc tổ chức công nhận thành lập tại nước ngoài quy định tại Điều 62 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP công nhận nhưng phạm vi đăng ký hoạt động chứng nhận rộng hơn phạm vi được công nhận: tổ chức chứng nhận nộp bản sao Chứng chỉ công nhận kèm theo phạm vi được công nhận và bản công bố năng lực chứng nhận phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17065 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17065 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế áp dụng trong lĩnh vực chứng nhận sản phẩm chuyên ngành (đối với tổ chức chứng nhận sản phẩm), tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17021-1 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17021-1 (đối với tổ chức chứng nhận hệ thống quản lý) đối với phạm vi chưa được công nhận theo Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP. - Trường hợp tổ chức chứng nhận chưa được công nhận: tổ chức chứng nhận nộp bản công bố năng lực chứng nhận

	phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17065 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17065 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế áp dụng trong lĩnh vực chứng nhận sản phẩm chuyên ngành (đối với tổ chức chứng nhận sản phẩm), Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17021-1 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17021-1 (đối với tổ chức chứng nhận hệ thống quản lý) theo Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP. d) Mẫu Giấy chứng nhận và Dấu chứng nhận. * Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định: 03 ngày làm việc. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 07 ngày làm việc.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức chứng nhận
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp, ủy quyền. - Thẩm quyền cấp giấy chứng nhận: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận (theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP)
Phí, lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Đơn đăng ký hoạt động chứng nhận (theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP); - Tóm tắt kinh nghiệm hoạt động đánh giá (theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP); - Bản công bố năng lực chứng nhận (theo Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP).
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính	1. Là một trong các loại hình tổ chức quy định tại Điều 50 Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật. 2. Có hệ thống quản lý và năng lực hoạt động đáp ứng các yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế và hướng dẫn quốc tế cho mỗi loại hình tương ứng sau đây: a) Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17065 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17065 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế áp dụng trong lĩnh vực chứng nhận sản

	phẩm chuyên ngành và các hướng dẫn liên quan của Diễn đàn Công nhận Quốc tế (IAF) hoặc tiêu chuẩn tương ứng với yêu cầu của chương trình chứng nhận đặc thù đối với hoạt động chứng nhận sản phẩm, hàng hoá; b) Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17021-1 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17021-1 và các hướng dẫn liên quan của Diễn đàn Công nhận Quốc tế (IAF) hoặc tiêu chuẩn tương ứng với yêu cầu của chương trình chứng nhận đặc thù đối với hoạt động chứng nhận hệ thống quản lý. 3. Có ít nhất 06 chuyên gia đánh giá chính thức của tổ chức (viên chức hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ không xác định thời hạn), đáp ứng các điều kiện sau: a) Có trình độ tốt nghiệp đại học trở lên; b) Được đào tạo về kỹ năng đánh giá chứng nhận tương ứng theo khung chương trình đào tạo chuyên môn do Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn. Trường hợp đã được cấp chứng chỉ hoàn thành khóa đào tạo về kỹ năng đánh giá chứng nhận tương ứng tại cơ sở đào tạo đã được cơ quan, người có thẩm quyền cấp Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố năng lực thực hiện hoạt động đào tạo và chứng chỉ còn hiệu lực sẽ được xem xét miễn yêu cầu này. c) Được đào tạo và cấp chứng chỉ hoàn thành khóa đào tạo về kỹ thuật chứng nhận sản phẩm chuyên ngành theo quy định của pháp luật chuyên ngành trong trường hợp có quy định. d) Có kinh nghiệm đánh giá ít nhất 20 ngày công đối với chương trình chứng nhận tương ứng. Đối với các chương trình chứng nhận hệ thống quản lý mới, chuyên gia phải có kinh nghiệm đánh giá ít nhất 20 ngày công đối với chương trình chứng nhận các hệ thống quản lý khác có cùng bản chất, logic hoặc thuộc cùng một lĩnh vực hoặc có kinh nghiệm đánh giá ít nhất 05 ngày công đối với chương trình chứng nhận đăng ký. Đối với chương trình chứng nhận sản phẩm mới, sản phẩm đăng ký bổ sung hoạt động chứng nhận, chuyên gia phải có kinh nghiệm đánh giá ít nhất 05 ngày công đối với các sản phẩm có cùng chủng loại, công nghệ hoặc phương pháp thử nghiệm.
--	---

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15. - Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.
---------------------------------------	---

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
THỬ NGHIỆM/GIÁM ĐỊNH/ CHỨNG NHẬN/XÁC NHẬN
GIÁ TRỊ SỬ DỤNG/KIỂM TRA XÁC NHẬN¹

Kính gửi:

1. Tên tổ chức:.....

2. Địa chỉ liên lạc:

Điện thoại:Fax: E-mail:.....

3. Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số.....Cơ quan cấp:.....cấp ngày..... tại.....

4. Sau khi nghiên cứu quy định tại Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... tháng... năm ... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, chúng tôi nhận thấy có đủ các điều kiện đăng ký hoạt động.... (thử nghiệm/giám định/chứng nhận/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận) đối với lĩnh vực..... (tên lĩnh vực chuyên ngành)².

5. Mẫu Phiếu kết quả thử nghiệm/Chứng thư giám định/Giấy chứng nhận/Tuyên bố xác nhận giá trị sử dụng/Tuyên bố kiểm tra xác nhận.

6. Mẫu dấu chứng nhận (đối với tổ chức chứng nhận)

Đề nghị (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận) xem xét và cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động..... (thử nghiệm/giám định/chứng nhận/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận) nêu trên.

Chúng tôi cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật trong lĩnh vực đánh giá sự phù hợp, các quy định có liên quan của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khai báo nói trên./.

LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC
(Ký tên, đóng dấu)

¹ Đề nghị đăng ký hoạt động nào thì ghi tên hoạt động đó (ví dụ, đăng ký hoạt động thử nghiệm thì ghi “Đơn đăng ký hoạt động thử nghiệm”).

² Cách ghi như sau:

- Lĩnh vực thử nghiệm (ghi tên lĩnh vực thử nghiệm: Hóa học/Sinh học/Cơ lý/Dược phẩm/Điện-điện tử/Vật liệu xây dựng/Không phá hủy/An toàn sinh học..., kèm theo tên sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm, tên phép thử). Trường hợp số liệu nhiều thì lập thành Phụ lục kèm theo.

- Lĩnh vực giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật (ghi tên sản phẩm và tiêu chuẩn của sản phẩm/quy chuẩn kỹ thuật và quy trình giám định). Trường hợp số liệu nhiều thì lập thành Phụ lục kèm theo.

- Lĩnh vực chứng nhận: Sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn (ghi tên sản phẩm và tiêu chuẩn của sản phẩm/quy chuẩn kỹ thuật (nếu có)/hệ thống quản lý (ghi tên hệ thống quản lý: TCVN ISO 9001/ISO 9001, TCVN ISO 14001/ISO 14001...). Trường hợp số liệu nhiều thì lập thành Phụ lục kèm theo.

- Lĩnh vực xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận (ghi tên lĩnh vực và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thực hiện xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận). Trường hợp số liệu nhiều thì lập thành Phụ lục kèm theo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TÓM TẮT KINH NGHIỆM HOẠT ĐỘNG GIÁM ĐỊNH/ĐÁNH GIÁ/XÁC NHẬN GIÁ TRỊ SỬ DỤNG/KIỂM TRA XÁC NHẬN CỦA GIÁM ĐỊNH VIÊN/CHUYÊN GIA

1. Họ và tên:

Địa chỉ liên hệ:

Điện thoại: Fax:..... E-mail:

2. Kinh nghiệm trong lĩnh vực giám định/đánh giá/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận:

TT	Thời gian	Tên tổ chức, doanh nghiệp đã giám định/đánh giá/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận	Địa chỉ liên hệ, điện thoại, Fax, người đại diện của tổ chức, doanh nghiệp	Lĩnh vực giám định/đánh giá/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận ¹	Kết quả giám định/đánh giá/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận

Thông tin khác:

Tôi cam đoan các thông tin trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khai báo nói trên./.

....., ngày..... tháng năm.....

NGƯỜI KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên)

¹ Cách ghi như sau:

- Đối với hoạt động giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật, ghi tên sản phẩm và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật giám định.
- Đối với hoạt động chứng nhận sản phẩm, ghi tên sản phẩm và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chứng nhận; đối với hoạt động chứng nhận hệ thống quản lý, ghi tên tiêu chuẩn hệ thống quản lý.
- Đối với xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận, ghi tên lĩnh vực và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thực hiện xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ¹
NĂNG LỰC HỆ THỐNG QUẢN LÝ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG
THỬ NGHIỆM/GIÁM ĐỊNH/CHỨNG NHẬN VỚI CÁC YÊU CẦU CỦA
TIÊU CHUẨN QUỐC GIA..... HOẶC TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ.....

Số

Tên tổ chức:

Địa chỉ trụ sở chính:

Địa chỉ thử nghiệm (nếu là tổ chức thử nghiệm):

Điện thoại: Fax: E-mail:

CÔNG BỐ:

Năng lực hệ thống quản lý đối với hoạt động thử nghiệm/giám định/chứng nhận trong lĩnh vực²..... phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia..... hoặc tiêu chuẩn quốc tế.....

....(Tên tổ chức).... cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khai báo và công bố nêu trên./.

....., ngày.....tháng.....năm.....

LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC

(Ký tên, đóng dấu)

¹ Công bố năng lực của hệ thống quản lý chất lượng trong lĩnh vực nào thì ghi tên lĩnh vực đó và tiêu chuẩn tương ứng của lĩnh vực công bố (ví dụ: Công bố năng lực giám định thì ghi "Bản công bố năng lực giám định phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17020").

² Cách ghi như sau:

- Lĩnh vực thử nghiệm (ghi tên lĩnh vực thử nghiệm: Hóa học/Sinh học/Cơ lý/Dược phẩm/Điện-điện tử/Vật liệu xây dựng/Không phá hủy/An toàn sinh học, kèm theo tên sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm, tên phép thử) phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025. Trường hợp số liệu nhiều thì lập thành Phụ lục kèm theo.

- Lĩnh vực giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật (ghi tên sản phẩm và tiêu chuẩn của sản phẩm/quy chuẩn kỹ thuật và quy trình giám định) phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17020 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17020. Trường hợp số liệu nhiều thì lập thành Phụ lục kèm theo.

- Lĩnh vực chứng nhận: Sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn (ghi tên sản phẩm và tiêu chuẩn của sản phẩm/quy chuẩn kỹ thuật (nếu có))/hệ thống quản lý (ghi tên hệ thống quản lý: TCVN ISO 9001/ISO 9001, TCVN ISO 14001/ISO 14001....) phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17065 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17065 (đối với chứng nhận sản phẩm); phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17021 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17021 (đối với chứng nhận hệ thống quản lý). Trường hợp số liệu nhiều thì lập thành Phụ lục kèm theo.

14. Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý

Trình tự thực hiện	Bước 1: Trường hợp tổ chức chứng nhận bổ sung, mở rộng, thu hẹp phạm vi chức nhận, khi có nhu cầu bổ sung, sửa đổi hoạt động chứng nhận, tổ chức chứng nhận nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký theo hình thức dịch vụ công trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia. Cổng dịch vụ công quốc gia được kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Trường hợp Cổng dịch vụ công quốc gia bị lỗi hoặc thủ tục hành chính này chưa hoàn thiện hạ tầng Dịch vụ công trực tuyến, tổ chức chứng nhận nộp hồ sơ bản giấy theo quy định tại Nghị định số 22/2026/NĐ-CP theo hình thức nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh. Bước 2: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận bổ sung, sửa đổi cho tổ chức chứng nhận. - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan chuyên môn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp, ủy quyền thông báo yêu cầu tổ chức chứng nhận sửa đổi, bổ sung. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận cho tổ chức chứng nhận theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp thông qua cổng dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Trường hợp Cổng dịch vụ công quốc gia bị lỗi hoặc thủ tục hành chính này chưa hoàn thiện hạ tầng Dịch vụ công trực tuyến, nộp hồ sơ bản giấy theo quy định tại Nghị định số 22/2026/NĐ-CP theo hình thức nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh..
Thành phần, số lượng hồ sơ	* Thành phần hồ sơ: a) Đơn đăng ký bổ sung, sửa đổi hoạt động chứng nhận theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP; b) Các chứng chỉ, tài liệu liên quan đối với mỗi chuyên gia

sửa đổi, bổ sung gồm: bản sao Quyết định tuyển dụng hoặc Hợp đồng lao động; bản sao các bằng cấp, chứng chỉ theo quy định tại các khoản 3 Điều 50 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP; tóm tắt kinh nghiệm hoạt động đánh giá theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP và tài liệu chứng minh kinh nghiệm hoạt động đánh giá của chuyên gia đánh giá. Trường hợp chuyên gia đánh giá của tổ chức chứng nhận có hồ sơ tại các lần đăng ký cấp trước đó vẫn đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số 22/2026/NĐ-CP, tổ chức chứng nhận có văn bản gửi kèm theo bảo lưu hồ sơ nhân sự của chuyên gia đánh giá;

c) Tài liệu chứng minh năng lực hoạt động chứng nhận bổ sung, sửa đổi đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 50 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- Trường hợp tổ chức chứng nhận đã được tổ chức công nhận quy định tại Điều 58 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP hoặc tổ chức công nhận thành lập tại nước ngoài quy định tại Điều 62 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP công nhận đối với toàn bộ phạm vi đăng ký chứng nhận: tổ chức chứng nhận nộp bản sao Chứng chỉ công nhận kèm theo phạm vi được công nhận.

- Trường hợp tổ chức chứng nhận đã được tổ chức công nhận quy định tại Điều 58 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP hoặc tổ chức công nhận thành lập tại nước ngoài quy định tại Điều 62 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP công nhận nhưng phạm vi đăng ký hoạt động chứng nhận rộng hơn phạm vi được công nhận: tổ chức chứng nhận nộp bản sao Chứng chỉ công nhận kèm theo phạm vi được công nhận và bản công bố năng lực chứng nhận phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17065 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17065 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế áp dụng trong lĩnh vực chứng nhận sản phẩm chuyên ngành (đối với tổ chức chứng nhận sản phẩm), tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17021-1 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17021-1 (đối với tổ chức chứng nhận hệ thống quản lý) đối với phạm vi chưa được công nhận theo Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP.

- Trường hợp tổ chức chứng nhận chưa được công nhận: tổ chức chứng nhận nộp bản công bố năng lực chứng nhận phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17065 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17065 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế áp dụng trong lĩnh vực chứng nhận sản phẩm chuyên ngành (đối với tổ chức chứng nhận sản phẩm), Tiêu chuẩn quốc gia TCVN

	ISO/IEC 17021-1 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17021-1 (đối với tổ chức chứng nhận hệ thống quản lý) theo Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP. * Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định: 03 ngày làm việc. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 07 ngày làm việc.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức chứng nhận
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp, ủy quyền. - Thẩm quyền cấp giấy chứng nhận: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận (theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP)
Phí, lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Đơn đăng ký bổ sung, sửa đổi hoạt động chứng nhận (theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP); - Tóm tắt kinh nghiệm hoạt động đánh giá (theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP); - Bản công bố năng lực chứng nhận (theo Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP).
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính	1. Đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận. 2. Có hệ thống quản lý và năng lực hoạt động đối với lĩnh vực đăng ký bổ sung, sửa đổi đáp ứng các yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế và hướng dẫn quốc tế cho mỗi loại hình tương ứng sau đây: a) Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17065 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17065 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế áp dụng trong lĩnh vực chứng nhận sản phẩm chuyên ngành và các hướng dẫn liên quan của Diễn đàn Công nhận Quốc tế (IAF) hoặc tiêu chuẩn tương ứng với yêu cầu của chương trình chứng nhận đặc thù đối với hoạt động chứng nhận sản phẩm, hàng hoá; b) Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17021-1 hoặc tiêu

	chuẩn quốc tế ISO/IEC 17021-1 và các hướng dẫn liên quan của Diễn đàn Công nhận Quốc tế (IAF) hoặc tiêu chuẩn tương ứng với yêu cầu của chương trình chứng nhận đặc thù đối với hoạt động chứng nhận hệ thống quản lý. 3. Có ít nhất 02 chuyên gia chính thức của tổ chức (viên chức hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ không xác định thời hạn) tương ứng với mỗi lĩnh vực chứng nhận đăng ký bổ sung, đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 50 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15. - Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐĂNG KÝ BỔ SUNG, SỬA ĐỔI HOẠT ĐỘNG
THỬ NGHIỆM/GIÁM ĐỊNH/CHỨNG NHẬN/XÁC NHẬN
GIÁ TRỊ SỬ DỤNG/KIỂM TRA XÁC NHẬN¹

Kính gửi:

1. Tên tổ chức:
2. Địa chỉ liên lạc:
Điện thoại:..... Fax: E-mail:
3. Đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (thử nghiệm/giám định/chứng nhận/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận) số:..... ngày...../...../20.... của (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận).
4. Hoạt động.....(thử nghiệm/giám định/chứng nhận/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận) đề nghị bổ sung, sửa đổi (nêu cụ thể lĩnh vực đề nghị bổ sung).
5. Hồ sơ kèm theo:

.....
Đề nghị (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận) xem xét đề (tên tổ chức) được bổ sung, sửa đổi điều kiện hoạt động..... (thử nghiệm/giám định/chứng nhận/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận) đối với các lĩnh vực tương ứng.

Chúng tôi cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật trong lĩnh vực đánh giá sự phù hợp, các quy định có liên quan của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khai báo nói trên./.

LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC

(Ký tên, đóng dấu)

¹ Đề nghị bổ sung, sửa đổi hoạt động nào thì ghi tên lĩnh vực hoạt động đó (ví dụ: Đơn đề nghị bổ sung hoạt động thử nghiệm).

Cách ghi như sau:

- Lĩnh vực thử nghiệm (ghi tên lĩnh vực thử nghiệm: Hóa học/Sinh học/Cơ lý/Dược phẩm/Điện-điện tử/Vật liệu xây dựng/Không phá hủy/An toàn sinh học..., kèm theo tên sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm, tên phép thử). Trường hợp số liệu nhiều thì lập thành Phụ lục kèm theo.
- Lĩnh vực giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật (ghi tên sản phẩm và tiêu chuẩn của sản phẩm/quy chuẩn kỹ thuật và quy trình giám định). Trường hợp số liệu nhiều thì lập thành Phụ lục kèm theo.
- Lĩnh vực chứng nhận: Sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn (ghi tên sản phẩm và tiêu chuẩn của sản phẩm/quy chuẩn kỹ thuật (nếu có)/hệ thống quản lý (ghi tên hệ thống quản lý: TCVN ISO 9001/ISO 9001, TCVN ISO 14001/ISO 14001...). Trường hợp số liệu nhiều thì lập thành Phụ lục kèm theo.
- Lĩnh vực xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận (ghi tên lĩnh vực và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thực hiện xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận). Trường hợp số liệu nhiều thì lập thành Phụ lục kèm theo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TÓM TẮT KINH NGHIỆM HOẠT ĐỘNG GIÁM ĐỊNH/ĐÁNH GIÁ/XÁC NHẬN GIÁ TRỊ SỬ DỤNG/KIỂM TRA XÁC NHẬN CỦA GIÁM ĐỊNH VIÊN/CHUYÊN GIA

1. Họ và tên:

Địa chỉ liên hệ:

Điện thoại: Fax:..... E-mail:

2. Kinh nghiệm trong lĩnh vực giám định/đánh giá/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận:

TT	Thời gian	Tên tổ chức, doanh nghiệp đã giám định/đánh giá/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận	Địa chỉ liên hệ, điện thoại, Fax, người đại diện của tổ chức, doanh nghiệp	Lĩnh vực giám định/đánh giá/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận ¹	Kết quả giám định/đánh giá/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận

Thông tin khác:

Tôi cam đoan các thông tin trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khai báo nói trên./.

....., ngày..... tháng năm.....

NGƯỜI KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên)

¹ Cách ghi như sau:

- Đối với hoạt động giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật, ghi tên sản phẩm và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật giám định.
- Đối với hoạt động chứng nhận sản phẩm, ghi tên sản phẩm và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chứng nhận; đối với hoạt động chứng nhận hệ thống quản lý, ghi tên tiêu chuẩn hệ thống quản lý.
- Đối với xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận, ghi tên lĩnh vực và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thực hiện xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ¹
NĂNG LỰC HỆ THỐNG QUẢN LÝ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG
THỬ NGHIỆM/GIÁM ĐỊNH/CHỨNG NHẬN VỚI CÁC YÊU CẦU CỦA
TIÊU CHUẨN QUỐC GIA..... HOẶC TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ.....

Số

Tên tổ chức:

Địa chỉ trụ sở chính:

Địa chỉ thử nghiệm (nếu là tổ chức thử nghiệm):

Điện thoại: Fax:..... E-mail:.....

CÔNG BỐ:

Năng lực hệ thống quản lý đối với hoạt động thử nghiệm/giám định/chứng nhận trong lĩnh vực²..... phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia..... hoặc tiêu chuẩn quốc tế.....

....(Tên tổ chức).... cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khai báo và công bố nêu trên./.

....., ngày.....tháng.....năm.....

LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC

(Ký tên, đóng dấu)

¹ Công bố năng lực của hệ thống quản lý chất lượng trong lĩnh vực nào thì ghi tên lĩnh vực đó và tiêu chuẩn tương ứng của lĩnh vực công bố (ví dụ: Công bố năng lực giám định thì ghi "Bản công bố năng lực giám định phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17020").

² Cách ghi như sau:

- Lĩnh vực thử nghiệm (ghi tên lĩnh vực thử nghiệm: Hóa học/Sinh học/Cơ lý/Dược phẩm/Điện-điện tử/Vật liệu xây dựng/Không phá hủy/An toàn sinh học, kèm theo tên sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm, tên phép thử) phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025. Trường hợp số liệu nhiều thì lập thành Phụ lục kèm theo.

- Lĩnh vực giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật (ghi tên sản phẩm và tiêu chuẩn của sản phẩm/quy chuẩn kỹ thuật và quy trình giám định) phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17020 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17020. Trường hợp số liệu nhiều thì lập thành Phụ lục kèm theo.

- Lĩnh vực chứng nhận: Sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn (ghi tên sản phẩm và tiêu chuẩn của sản phẩm/quy chuẩn kỹ thuật (nếu có))/hệ thống quản lý (ghi tên hệ thống quản lý: TCVN ISO 9001/ISO 9001, TCVN ISO 14001/ISO 14001....) phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17065 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17065 (đối với chứng nhận sản phẩm); phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17021 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17021 (đối với chứng nhận hệ thống quản lý). Trường hợp số liệu nhiều thì lập thành Phụ lục kèm theo.

15. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý

Trình tự thực hiện	Bước 1: Khi tổ chức chứng nhận có Giấy chứng nhận còn hiệu lực nhưng thay đổi tên, địa chỉ của tổ chức hoặc Giấy chứng nhận bản giấy bị mất, hư hỏng, tổ chức chứng nhận nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký theo hình thức dịch vụ công trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia. Cổng dịch vụ công quốc gia được kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Trường hợp Cổng dịch vụ công quốc gia bị lỗi hoặc thủ tục hành chính này chưa hoàn thiện hạ tầng Dịch vụ công trực tuyến, tổ chức chứng nhận nộp hồ sơ bản giấy theo quy định tại Nghị định số 22/2026/NĐ-CP theo hình thức nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh. Bước 2: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét ký cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận cho tổ chức chứng nhận. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét ký cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận cho tổ chức chứng nhận. Trường hợp không đáp ứng yêu cầu, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo và nêu rõ lý do.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp thông qua cổng dịch vụ công trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Trường hợp Cổng dịch vụ công quốc gia bị lỗi hoặc thủ tục hành chính này chưa hoàn thiện hạ tầng Dịch vụ công trực tuyến, nộp hồ sơ bản giấy theo quy định tại Nghị định số 22/2026/NĐ-CP theo hình thức nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh..
Thành phần, số lượng hồ sơ	* Thành phần hồ sơ: Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP * Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	Tổ chức chứng nhận

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp, ủy quyền. - Thẩm quyền cấp giấy chứng nhận: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận (theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP)
Phí, lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Đơn đề nghị cấp lại giấy đăng ký hoạt động chứng nhận (theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP)
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính	Không.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15. - Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
THỬ NGHIỆM/GIÁM ĐỊNH/CHỨNG NHẬN/XÁC NHẬN
GIÁ TRỊ SỬ DỤNG/KIỂM TRA XÁC NHẬN¹

Kính gửi:

1. Tên tổ chức:

2. Địa chỉ liên lạc:

Điện thoại:..... Fax: E-mail:

3. Đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (thử nghiệm/giám định/chứng nhận/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận) số:..... ngày....../....../20..... của (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận).

4. Lý do đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động..... (thử nghiệm/giám định/chứng nhận/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận):

.....

5. Hồ sơ kèm theo:

-

-

Đề nghị (tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận) xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động..... (thử nghiệm/giám định/chứng nhận/xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận) cho.... (tên tổ chức).

Chúng tôi cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật trong lĩnh vực đánh giá sự phù hợp, các quy định có liên quan của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khai báo nói trên./.

LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC
(Ký tên, đóng dấu)

¹ Đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nào thì ghi tên hoạt động đó (ví dụ: Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm).

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

1. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường

Trình tự thực hiện	<i>Bước 1: Tổ chức đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm (sau đây gọi chung là tổ chức đăng ký) lập 01 bộ hồ sơ đăng ký gửi tới cơ quan được giao tiếp nhận hồ sơ đăng ký tại tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở chính.</i> <i>Bước 2: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.</i> - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm cấp giấy chứng nhận đăng ký. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho tổ chức đăng ký về lý do từ chối xử lý hồ sơ hoặc những nội dung cần sửa đổi, bổ sung.
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tuyến: thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh.
Thành phần, số lượng hồ sơ	* Thành phần hồ sơ: - Đơn đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường (<i>theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 36/2026/NĐ-CP</i>). - Báo cáo về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân lực (<i>theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 36/2026/NĐ-CP</i>). - Bản công bố đã thiết lập và duy trì hệ thống quản lý phù hợp TCVN ISO/IEC 17025 đối với hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường (<i>theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 36/2026/NĐ-CP</i>). * Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 05 ngày làm việc. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: 03 ngày làm việc.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	- Tổ chức.
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	- <i>Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp, ủy quyền.</i> - <i>Thẩm quyền cấp giấy chứng nhận: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</i>
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.
Phí, lệ phí	Không.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Đơn đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 36/2026/NĐ-CP). - Báo cáo về cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhân lực (Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 36/2026/NĐ-CP). - Bản công bố đã thiết lập và duy trì hệ thống quản lý phù hợp TCVN ISO/IEC 17025 đối với hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường (Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 36/2026/NĐ-CP).
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính	- Có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật Việt Nam. - <i>Có đủ cơ sở vật chất, kỹ thuật (bao gồm chuẩn đo lường, phương tiện, điều kiện môi trường thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm) theo yêu cầu của quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm tương ứng do tổ chức công bố áp dụng. Quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phải phù hợp với hướng dẫn của cơ quan nhà nước về đo lường có thẩm quyền thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khuyến nghị quốc tế của Tổ chức đo lường pháp định quốc tế, tiêu chuẩn của Ủy ban kỹ thuật điện quốc tế, tiêu chuẩn của Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế, tài liệu của nhà sản xuất có liên quan.</i> - Có ít nhất 01 nhân viên kỹ thuật đáp ứng các yêu cầu sau đây: + Là viên chức hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn;

	+ Tốt nghiệp trung cấp hoặc tương đương trở lên; + Có giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường tương ứng theo hướng dẫn của cơ quan nhà nước về đo lường có thẩm quyền thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ. - Đáp ứng các yêu cầu về tính độc lập, khách quan sau đây: + Công khai, minh bạch quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã công bố áp dụng thông qua một hoặc các hình thức sau: trên trang thông tin điện tử của tổ chức, tại trụ sở chính của tổ chức, tại địa điểm thực hiện hoạt động; + Người đứng đầu tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phải tuân thủ hệ thống quản lý đã thiết lập, quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã công bố áp dụng và chịu trách nhiệm về tính chính xác của kết quả kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã thực hiện; + Nhân viên kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phải tuân thủ quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã công bố áp dụng và chịu trách nhiệm về tính chính xác của kết quả kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã thực hiện. - Đã thiết lập và duy trì hệ thống quản lý phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 đối với hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Đo lường số 04/2011/QH13; - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15; - Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; - Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường. - Nghị định số 36/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ và Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Mẫu số 01. Đơn đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường

CƠ QUAN CHỦ QUẢN (nếu có)
TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày tháng năm

**ĐƠN ĐĂNG KÝ CUNG CẤP DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH, HIỆU CHUẨN,
THỬ NGHIỆM PHƯƠNG TIỆN ĐO, CHUẨN ĐO LƯỜNG**

Kính gửi: ...(Tên cơ quan cấp giấy)....

1. Tổ chức đăng ký:.....(tên tổ chức)

Địa chỉ trụ sở
chính⁽¹⁾:

Điện thoại:.....;
Email:.....

2. Mã số doanh nghiệp/Số đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ/Số Giấy chứng nhận đăng ký⁽²⁾:.....cấp ngày.....do.....⁽³⁾..... cấp.

3. Đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đối với phương tiện đo, chuẩn đo lường sau⁽⁴⁾:

3.1. Dịch vụ kiểm định:

TT	Tên phương tiện đo ⁽⁵⁾	Phạm vi đo ⁽⁶⁾	Cấp/độ chính xác/Sai số ⁽⁷⁾	Quy trình thực hiện ⁽⁸⁾	Ghi chú ⁽⁹⁾
1.					
...					

3.2. Dịch vụ hiệu chuẩn:

TT	Tên phương tiện đo/chuẩn đo lường ⁽⁵⁾	Phạm vi đo ⁽⁶⁾	Độ không đảm bảo đo ⁽⁷⁾	Quy trình thực hiện ⁽⁸⁾	Ghi chú ⁽⁹⁾
1.					
...					

3.3. Dịch vụ thử nghiệm:

TT	Tên phương tiện đo/chuẩn đo lường ⁽⁵⁾	Phạm vi đo ⁽⁶⁾	Cấp/độ chính xác/Độ không đảm bảo đo/Sai số ⁽⁷⁾	Quy trình thực hiện ⁽⁸⁾	Ghi chú ⁽⁹⁾
1.					

...					
-----	--	--	--	--	--

4. Địa điểm thực hiện⁽¹⁰⁾:.....

Điện thoại:.....; Email:.....

5. (Tên tổ chức đăng ký) xin cam kết tuân thủ đúng trách nhiệm quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số ... ngày... tháng ... năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ và Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Kính đề nghị (tên cơ quan cấp giấy) xem xét, cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT;... (đơn vị soạn thảo).

NGƯỜI ĐƯNG ĐẦU TỔ CHỨC

(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Ghi rõ theo quyết định thành lập, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.

⁽²⁾ Đối với trường hợp đăng ký lần đầu: Điền mã số doanh nghiệp theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc số đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ. Đối với trường hợp xin cấp lại giấy chứng nhận đăng ký: Điền số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã được cấp và còn hiệu lực.

⁽³⁾ Ghi rõ tên cơ quan cấp giấy.

⁽⁴⁾ Các nội dung đăng ký tại Mục 3 có thể được thể hiện dưới dạng phụ lục kèm theo.

⁽⁵⁾ Ghi rõ tên phương tiện đo hoặc chuẩn đo lường đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm.

⁽⁶⁾ Ghi rõ phạm vi kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đăng ký thực hiện tương ứng với từng phương tiện đo, chuẩn đo lường tương ứng với từng tên phương tiện đo, chuẩn đo lường.

⁽⁷⁾ Ghi cụ thể thông tin về cấp chính xác/độ chính xác/độ không đảm bảo đo/sai số tương ứng theo phương tiện đo, chuẩn đo lường; trường hợp không thể xác định được các thông tin này thì có thể ghi thông tin giá trị độ chia.

⁽⁸⁾ Ghi rõ tên, ký hiệu của quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm tương ứng.

⁽⁹⁾ Ghi chú rõ từng trường hợp: Trường hợp đăng ký bổ sung lĩnh vực: Ghi rõ “Bổ sung”.

Trường hợp mở rộng, thu hẹp phạm vi đo: Ghi rõ “Điều chỉnh”.

⁽¹⁰⁾ Trường hợp thực hiện dịch vụ tại địa điểm (các địa điểm) cố định thì ghi địa chỉ, điện thoại, email (nếu có) của địa điểm (của từng địa điểm); trường hợp thực hiện dịch vụ tại hiện trường

thì ghi “tại hiện trường”; trường hợp thực hiện dịch vụ tại địa điểm cố định và hiện trường thì kết hợp ghi cả hai.

Mẫu số 02. Báo cáo về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân lực

CƠ QUAN CHỦ QUẢN (nếu có)
TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT KỸ THUẬT, NHÂN LỰC

TT	Danh mục đăng ký			Chuẩn đo lường, phương tiện đo sử dụng ⁽¹⁾				Nhân viên thực hiện				
	Tên phương tiện đo, chuẩn đo lường	Tên dịch vụ/Tên hoạt động ⁽²⁾	Quy trình thực hiện ⁽³⁾	Tên chuẩn đo lường, phương tiện đo sử dụng	Số sản xuất; Đặc tính kỹ thuật đo lường chính (phạm vi đo, cấp/độ chính xác/độ không đảm bảo đo/sai số)	Nơi kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm	Thời hạn hiệu lực giấy chứng nhận kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm	Thông tin cá nhân (Họ và tên, năm sinh)	Trình độ học vấn	Viên chức/Lao động hợp đồng	Giấy chứng nhận bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ ⁽⁴⁾	Nơi cấp giấy chứng nhận
1.												
2.												
...												

(Tên tổ chức) xin cam đoan các nội dung khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã khai./.

NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU TỔ CHỨC
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Ghi rõ các thông tin liên quan của chuẩn đo lường, phương tiện đo trên các giấy chứng nhận kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phù hợp với yêu cầu của quy trình thực hiện và theo thứ tự: các chuẩn đo lường ghi trước, các phương tiện đo ghi sau (Ví dụ: Áp kế chuẩn hiện số; số sản xuất: 12345, phạm vi đo: (0 ÷ 7) bar, độ chính xác: ± 0,05 %FS; Viện Đo lường Việt Nam;

30/12/2026). Nộp kèm theo bản sao (có đóng dấu sao y bản chính của tổ chức) hoặc bản sao điện tử các giấy chứng nhận kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.

(2) Ghi rõ tên dịch vụ đăng ký hoặc tên hoạt động đăng ký chỉ định: kiểm định hoặc hiệu chuẩn hoặc thử nghiệm.

(3) Ghi rõ tên, ký hiệu của quy trình thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm. Trường hợp đăng ký kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường lần đầu; bổ sung phương tiện đo, chuẩn đo lường hoặc điều chỉnh phạm vi đo, cấp/độ chính xác/độ không đảm bảo đo/sai số của phương tiện đo, chuẩn đo lường trên giấy chứng nhận đăng ký đã được cấp thì phải nộp kèm theo quy trình kiểm định tương ứng.

(4) Nộp kèm theo bản sao (có đóng dấu sao y bản chính của tổ chức) hoặc bản sao điện tử các giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên.

Mẫu số 05. Bản công bố đã thiết lập và duy trì hệ thống quản lý phù hợp Tiêu chuẩn Quốc gia ISO/IEC 17025 đối với hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN CÔNG BỐ ĐÃ THIẾT LẬP VÀ DUY TRÌ HỆ THỐNG QUẢN LÝ
 PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO/IEC 17025 ĐỐI VỚI
 HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH, HIỆU CHUẨN, THỬ NGHIỆM
 PHƯƠNG TIỆN ĐO, CHUẨN ĐO LƯỜNG**

Tên tổ chức:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:.....Email:.....

CÔNG BỐ:

Đã thiết lập, vận hành và duy trì hệ thống quản lý theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 đối với hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường của...(tên tổ chức)...

Mã số công nhận ISO/IEC 17025 (nếu có):

...(Tên tổ chức)... xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của bản công bố này và cam kết luôn duy trì, lưu giữ đầy đủ hồ sơ hệ thống quản lý bảo đảm phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 đối với hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.

Nơi nhận:

- (Cơ quan cấp giấy chứng nhận);
- Lưu: VT,... (đơn vị soạn thảo).

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TỔ CHỨC
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

2. Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường

Trình tự thực hiện	<i>Bước 1: Tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm (sau đây gọi chung là tổ chức cung cấp dịch vụ) lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký gửi tới cơ quan được giao tiếp nhận hồ sơ cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tại tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở chính.</i> <i>Bước 2: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm cấp lại giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.</i> <i>- Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị (đối với trường hợp thu hẹp phạm vi hoặc giấy chứng nhận đăng ký được cấp dưới dạng bản giấy bị mất hoặc bị hư hỏng không thể tiếp tục sử dụng) hoặc 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (đối với trường hợp tổ chức đã hoàn thành các biện pháp khắc phục, bổ sung lĩnh vực, mở rộng phạm vi, điều chỉnh thông tin trên giấy chứng nhận đăng ký đã được cấp (sau khi hợp nhất, sáp nhập, đổi tên, chia, tách, chuyển đổi hình thức, thay đổi địa chỉ, địa điểm hoạt động)), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm cấp lại giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.</i> <i>- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho tổ chức về lý do từ chối xử lý hồ sơ hoặc những nội dung cần sửa đổi, bổ sung.</i>
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tuyến: thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - Nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh.
Thành phần, số lượng hồ sơ	* Thành phần hồ sơ: (1) Trường hợp thu hẹp phạm vi hoặc giấy chứng nhận đăng ký được cấp dưới dạng bản giấy bị mất hoặc bị hư hỏng không thể tiếp tục sử dụng, hồ sơ gồm: Văn bản đề nghị có nêu rõ lý do. (2) Trường hợp đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký đã bị chấm dứt hiệu lực và tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định,

	hiệu chuẩn, thử nghiệm đã hoàn thành các biện pháp khắc phục, hồ sơ gồm: - Văn bản đề nghị được cấp lại giấy chứng nhận đăng ký; - Bản sao (có xác nhận sao y bản chính của tổ chức đề nghị) hoặc bản sao điện tử tài liệu, giấy tờ chứng minh đã hoàn thành các biện pháp khắc phục. (3) Trường hợp bổ sung lĩnh vực, mở rộng phạm vi, hồ sơ gồm: - Đơn đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 36/2026/NĐ-CP đối với lĩnh vực mở rộng, bổ sung; - Báo cáo về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân lực theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 36/2026/NĐ-CP đối với lĩnh vực mở rộng, bổ sung. (4) Trường hợp điều chỉnh thông tin trên giấy chứng nhận đăng ký đã được cấp (sau khi hợp nhất, sáp nhập, đổi tên, chia, tách, chuyển đổi hình thức, thay đổi địa chỉ, địa điểm hoạt động), hồ sơ gồm: - Công văn đề nghị có nêu rõ nội dung điều chỉnh; - Báo cáo về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân lực theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 36/2026/NĐ-CP; - Bản sao (có xác nhận sao y bản chính của tổ chức đề nghị) hoặc bản sao điện tử các tài liệu, giấy tờ khác có liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có). * Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: + 04 ngày làm việc đối với trường hợp (1) thu hẹp phạm vi hoặc giấy chứng nhận đăng ký được cấp dưới dạng bản giấy bị mất hoặc bị hư hỏng không thể tiếp tục sử dụng), + 05 ngày làm việc đối với các trường hợp: (2) đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký đã bị chấm dứt hiệu lực và tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã hoàn thành các biện pháp khắc phục; (3) bổ sung lĩnh vực, mở rộng phạm vi; (4) điều chỉnh thông tin trên giấy chứng nhận đăng ký đã được cấp (sau khi hợp nhất, sáp nhập, đổi tên, chia, tách, chuyển đổi hình thức, thay đổi địa chỉ, địa điểm hoạt động).

	- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: 03 ngày làm việc.
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	- Tổ chức.
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	- <i>Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp, ủy quyền.</i> - <i>Thẩm quyền cấp giấy chứng nhận: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</i>
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.
Phí, lệ phí	Không.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Đơn đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 36/2026/NĐ-CP). - Báo cáo về cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhân lực (Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 36/2026/NĐ-CP). - Bản công bố đã thiết lập và duy trì hệ thống quản lý phù hợp TCVN ISO/IEC 17025 đối với hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường (Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 36/2026/NĐ-CP).
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính	a) <i>Đối với trường hợp (1) thu hẹp phạm vi hoặc giấy chứng nhận đăng ký được cấp dưới dạng bản giấy bị mất hoặc bị hư hỏng không thể tiếp tục sử dụng: Tổ chức đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký.</i> b) <i>Đối với trường hợp (2) đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký đã bị chấm dứt hiệu lực: Tổ chức đã hoàn thành các biện pháp khắc phục.</i> c) <i>Đối với các trường hợp: (3) bổ sung lĩnh vực, mở rộng phạm vi; (4) điều chỉnh thông tin trên giấy chứng nhận đăng ký đã được cấp (sau khi hợp nhất, sáp nhập, đổi tên, chia, tách, chuyển đổi hình thức, thay đổi địa chỉ, địa điểm hoạt động):</i> - <i>Tổ chức đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký.</i> - <i>Có đủ cơ sở vật chất, kỹ thuật (bao gồm chuẩn đo lường, phương tiện, điều kiện môi trường thực hiện kiểm định, hiệu</i>

	<i>chuẩn, thử nghiệm) theo yêu cầu của quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm tương ứng do tổ chức công bố áp dụng. Quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phải phù hợp với hướng dẫn của cơ quan nhà nước về đo lường có thẩm quyền thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khuyến nghị quốc tế của Tổ chức đo lường pháp định quốc tế, tiêu chuẩn của Ủy ban kỹ thuật điện quốc tế, tiêu chuẩn của Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế, tài liệu của nhà sản xuất có liên quan.</i> <i>- Có ít nhất 01 nhân viên kỹ thuật đáp ứng các yêu cầu sau đây:</i> <i>+ Là viên chức hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn;</i> <i>+ Tốt nghiệp trung cấp hoặc tương đương trở lên;</i> <i>+ Có giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường tương ứng theo hướng dẫn của cơ quan nhà nước về đo lường có thẩm quyền thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> <i>- Đáp ứng các yêu cầu về tính độc lập, khách quan sau đây:</i> <i>+ Công khai, minh bạch quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã công bố áp dụng thông qua một hoặc các hình thức sau: trên trang thông tin điện tử của tổ chức, tại trụ sở chính của tổ chức, tại địa điểm thực hiện hoạt động;</i> <i>+ Người đứng đầu tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phải tuân thủ hệ thống quản lý đã thiết lập, quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã công bố áp dụng và chịu trách nhiệm về tính chính xác của kết quả kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã thực hiện;</i> <i>+ Nhân viên kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phải tuân thủ quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã công bố áp dụng và chịu trách nhiệm về tính chính xác của kết quả kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã thực hiện.</i> <i>- Đã thiết lập và duy trì hệ thống quản lý phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 đối với hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.</i>
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Đo lường số 04/2011/QH13;

	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15; - Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; - Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường. - Nghị định số 36/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ và Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
--	---

Mẫu số 01. Đơn đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường

CƠ QUAN CHỦ QUẢN (nếu có)
TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày tháng năm

**ĐƠN ĐĂNG KÝ CUNG CẤP DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH, HIỆU CHUẨN,
THỬ NGHIỆM PHƯƠNG TIỆN ĐO, CHUẨN ĐO LƯỜNG**

Kính gửi: ...(Tên cơ quan cấp giấy)....

1. Tổ chức đăng ký:.....(tên tổ chức)

Địa chỉ trụ sở
chính⁽¹⁾:

Điện thoại:.....;
Email:.....

2. Mã số doanh nghiệp/Số đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ/Số Giấy chứng nhận đăng ký⁽²⁾:.....cấp ngày.....do.....⁽³⁾..... cấp.

3. Đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đối với phương tiện đo, chuẩn đo lường sau⁽⁴⁾:

3.1. Dịch vụ kiểm định:

TT	Tên phương tiện đo ⁽⁵⁾	Phạm vi đo ⁽⁶⁾	Cấp/độ chính xác/Sai số ⁽⁷⁾	Quy trình thực hiện ⁽⁸⁾	Ghi chú ⁽⁹⁾
1.					
...					

3.2. Dịch vụ hiệu chuẩn:

TT	Tên phương tiện đo/chuẩn đo lường ⁽⁵⁾	Phạm vi đo ⁽⁶⁾	Độ không đảm bảo đo ⁽⁷⁾	Quy trình thực hiện ⁽⁸⁾	Ghi chú ⁽⁹⁾
1.					
...					

3.3. Dịch vụ thử nghiệm:

TT	Tên phương tiện đo/chuẩn đo lường ⁽⁵⁾	Phạm vi đo ⁽⁶⁾	Cấp/độ chính xác/Độ không đảm bảo đo/Sai số ⁽⁷⁾	Quy trình thực hiện ⁽⁸⁾	Ghi chú ⁽⁹⁾
1.					

...					
-----	--	--	--	--	--

4. Địa điểm thực hiện⁽¹⁰⁾:

Điện thoại:.....; Email:.....

5. (Tên tổ chức đăng ký) xin cam kết tuân thủ đúng trách nhiệm quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số ... ngày... tháng ... năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ và Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Kính đề nghị (tên cơ quan cấp giấy) xem xét, cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT;... (đơn vị soạn thảo).

NGƯỜI ĐƯNG ĐẦU TỔ CHỨC

(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Ghi rõ theo quyết định thành lập, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.

⁽²⁾ Đối với trường hợp đăng ký lần đầu: Điền mã số doanh nghiệp theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc số đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ. Đối với trường hợp xin cấp lại giấy chứng nhận đăng ký: Điền số giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã được cấp và còn hiệu lực.

⁽³⁾ Ghi rõ tên cơ quan cấp giấy.

⁽⁴⁾ Các nội dung đăng ký tại Mục 3 có thể được thể hiện dưới dạng phụ lục kèm theo.

⁽⁵⁾ Ghi rõ tên phương tiện đo hoặc chuẩn đo lường đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm.

⁽⁶⁾ Ghi rõ phạm vi kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đăng ký thực hiện tương ứng với từng phương tiện đo, chuẩn đo lường tương ứng với từng tên phương tiện đo, chuẩn đo lường.

⁽⁷⁾ Ghi cụ thể thông tin về cấp chính xác/độ chính xác/độ không đảm bảo đo/sai số tương ứng theo phương tiện đo, chuẩn đo lường; trường hợp không thể xác định được các thông tin này thì có thể ghi thông tin giá trị độ chia.

⁽⁸⁾ Ghi rõ tên, ký hiệu của quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm tương ứng.

⁽⁹⁾ Ghi chú rõ từng trường hợp: Trường hợp đăng ký bổ sung lĩnh vực: Ghi rõ “Bổ sung”.

Trường hợp mở rộng, thu hẹp phạm vi đo: Ghi rõ “Điều chỉnh”.

⁽¹⁰⁾ Trường hợp thực hiện dịch vụ tại địa điểm (các địa điểm) cố định thì ghi địa chỉ, điện thoại, email (nếu có) của địa điểm (của từng địa điểm); trường hợp thực hiện dịch vụ tại hiện trường thì ghi “tại hiện trường”; trường hợp thực hiện dịch vụ tại địa điểm cố định và hiện trường thì kết hợp ghi cả hai.

Mẫu số 02. Báo cáo về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân lực

CƠ QUAN CHỦ QUẢN (nếu có)
TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT KỸ THUẬT, NHÂN LỰC

TT	Danh mục đăng ký			Chuẩn đo lường, phương tiện đo sử dụng ⁽¹⁾				Nhân viên thực hiện				
	Tên phương tiện đo, chuẩn đo lường	Tên dịch vụ/Tên hoạt động ⁽²⁾	Quy trình thực hiện ⁽³⁾	Tên chuẩn đo lường, phương tiện đo sử dụng	Số sản xuất; Đặc tính kỹ thuật đo lường chính (phạm vi đo, cấp/độ chính xác/độ không đảm bảo đo/sai số)	Nơi kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm	Thời hạn hiệu lực giấy chứng nhận kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm	Thông tin cá nhân (Họ và tên, năm sinh)	Trình độ học vấn	Viên chức/Lao động hợp đồng	Giấy chứng nhận bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ ⁽⁴⁾	Nơi cấp giấy chứng nhận
3.												
4.												
...												

(Tên tổ chức) xin cam đoan các nội dung khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã khai./.

NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU TỔ CHỨC
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Ghi rõ các thông tin liên quan của chuẩn đo lường, phương tiện đo trên các giấy chứng nhận kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phù hợp với yêu cầu của quy trình thực hiện và theo thứ tự: các chuẩn đo lường ghi trước, các phương tiện đo ghi sau (Ví dụ: Áp kế chuẩn hiện số; số sản xuất: 12345, phạm vi đo: $(0 \div 7)$ bar, độ chính xác: $\pm 0,05$ %FS; Viện Đo lường Việt Nam; 30/12/2026). Nộp kèm theo bản sao (có đóng dấu sao y bản chính của tổ chức) hoặc bản sao điện tử các giấy chứng nhận kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.

⁽²⁾ Ghi rõ tên dịch vụ đăng ký hoặc tên hoạt động đăng ký chỉ định: kiểm định hoặc hiệu chuẩn hoặc thử nghiệm.

⁽³⁾ Ghi rõ tên, ký hiệu của quy trình thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm. Trường hợp đăng ký kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường lần đầu; bổ sung phương tiện đo, chuẩn đo lường hoặc điều chỉnh phạm vi đo, cấp/độ chính xác/độ không đảm bảo đo/sai số của phương tiện đo, chuẩn đo lường trên giấy chứng nhận đăng ký đã được cấp thì phải nộp kèm theo quy trình kiểm định tương ứng.

⁽⁴⁾ Nộp kèm theo bản sao (có đóng dấu sao y bản chính của tổ chức) hoặc bản sao điện tử các giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên.

3. Thủ tục chấm dứt hiệu lực hiệu lực của giấy chứng nhận đăng ký khi nhận được đề nghị không tiếp tục thực hiện toàn bộ lĩnh vực hoạt động đã được chứng nhận đăng ký của tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm

Trình tự thực hiện	<i>Bước 1: Tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm có văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực của giấy chứng nhận đăng ký đã được cấp gửi tới cơ quan được giao tiếp nhận hồ sơ đề nghị chấm dứt tại tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở chính.</i> <i>Bước 2: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm chấm dứt hiệu lực của giấy chứng nhận đăng ký.</i> <i>Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm chấm dứt hiệu lực của giấy chứng nhận đăng ký.</i>
Cách thức thực hiện	Thực hiện thông qua một trong các cách thức sau: - Nộp trực tuyến: thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn). - <i>Nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh.</i>
Thành phần, số lượng hồ sơ	* Thành phần hồ sơ: - <i>Văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực của giấy chứng nhận đăng ký đã được cấp.</i> * Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	03 ngày làm việc
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính	- Tổ chức.
Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính	- <i>Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp, ủy quyền.</i> - <i>Thẩm quyền cấp giấy chứng nhận: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</i>
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Quyết định chấm dứt hiệu lực của giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.
Phí, lệ phí	Không.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính	Không.
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	- Luật Đo lường số 04/2011/QH13; - <i>Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;</i> - <i>Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;</i> - Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường. - <i>Nghị định số 36/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ và Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.</i>